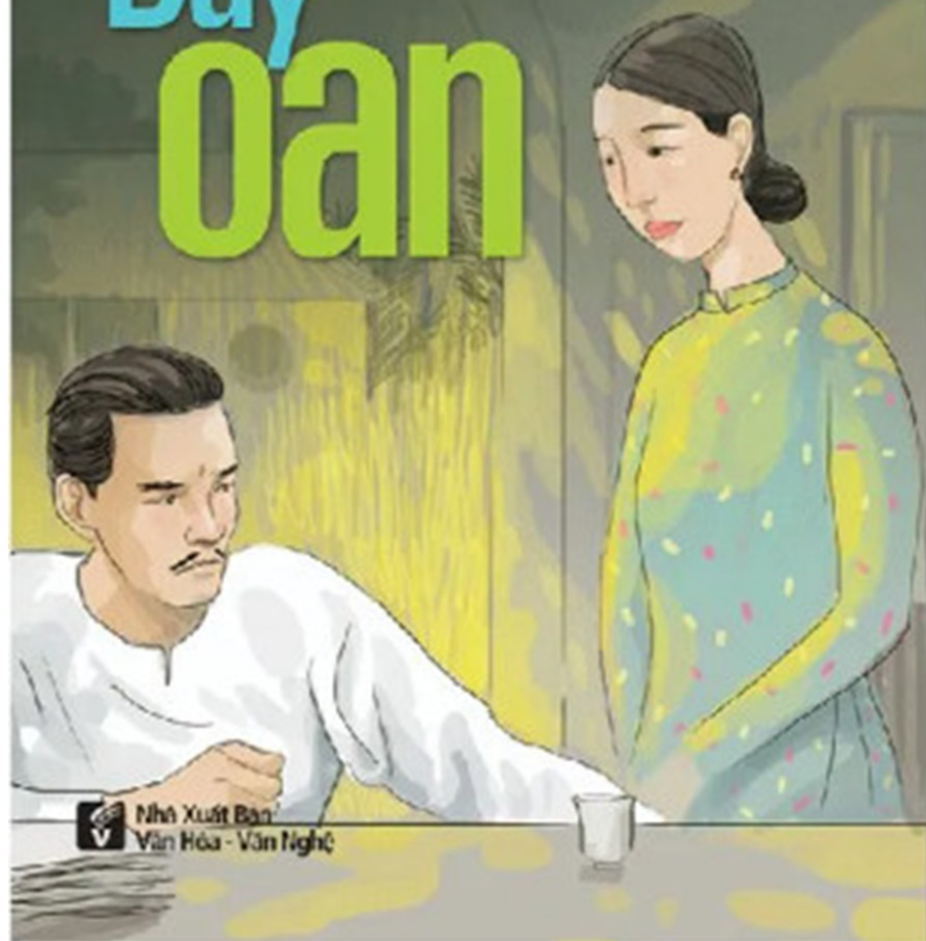


Hồ Biểu Chánh

Dây Oan



Nhà Xuất Bản
Văn Hóa - Văn Nghệ

DÂY OAN

Hồ Biểu Chánh

Sài Gòn
1935

Hồ Biểu Chánh

Dây oan

Bìa: NXB VH-VN

*Trình bày: **Muôn Phương***

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

dây oan

HỒ BIỂU CHÁNH

CHƯƠNG 1

TÌNH VÀ TỘI

Một buổi sớm mai, ở chợ Vĩnh Long, bạn hàng nhóm buôn bán đông đầy đầy, còn các nẻo đường trong châu thành thì thiên hạ lại qua nườm nượp.

Thầy Phan Thanh Nhãn, làm thông ngôn tại Tòa Án, miệng ngậm một điếu thuốc, tay xách một cây dù cán tre, thùng thảng đi lên Tòa mà làm việc; thầy đi dọc theo lề đường, mắt ngó ngay trước mặt mà bước, không để ý đến những kẻ qua người lại. Thầy trạc chừng 26 tuổi, mình mặc một

áo xuyên đen, một cái quần tây ông rộng, đầu đội nón trắng, chơn mang giày vàng, y phục theo như những thầy thông cách 25 năm về trước, chớ không phải chừng diện sắc sảo chi đó, nhưng mà bộ tướng thầy mạnh mẽ, gương mặt thầy nghiêm trang, nước da ngăm ngăm, cặp mắt quyết đoán, nên kẻ quen hay người lạ ai thấy thầy cũng khó mà dám nói những lời điều cợt.

Thầy chậm rãi đi trước, ở phía sau có một cô, tuổi chừng lối 24 hoặc 25, xinh xinh đi riết theo. Cô này mặc một cái quần lụa trắng, với một cái áo tổ đen lót màu bông phấn, đầu choàng hầu một cái khăn màu trứng gà có kết ren, chơn mang một đôi giày nhung đỏ thêu kim tuyến. Vóc cô dong dầy, tướng cô yếu điệu, hai hàm răng cô nhỏ rút, nước da mặt cô trắng đỏ. Cô cũng thuộc hạng đòn bà đẹp, nhưng mà cái đẹp của cô có lộn cái vẻ buồn; cô và đi và chúm

chím cười, song nếu ngó kỹ thì ắt thấy nụ cười có chút đĩnh cay đắng.

Chùng cô đi theo kịp thầy rồi, cô day qua ngó thầy mà nói rằng:

– Anh Hai! Dữ hôn! Mấy năm nay mới thấy mặt anh đa!...

Cô nói có mấy lời rồi cô đứng nhìn thầy trân trân, hai hàng nước mắt chảy rưng rưng.

Thầy Nhãn nghe kêu thì thầy day qua; thầy thấy cô nọ, coi bộ thầy bợ ngỡ, nên thầy đứng khựng lại mà mặt thầy biến sắc.

Thầy ngó cô rồi hỏi rằng:

– Cô Hai phải hôn?

Cô lấy chéo khăn vừa lau nước mắt vừa nói rằng:

– Em đây chờ ai. Anh quên em lặn hay sao? Hồi nãy em đứng trong tiệm dưới đường mé sông, em thấy anh đi ngang, song không biết có phải là anh hay không, nên em đi theo đây. Mấy năm nay anh làm giống gì mà anh biệt tích, để em trông đợi dữ quá! Bây giờ anh làm việc gì ở đâu?

Thầy châu mày dụ dụ một hồi rồi đáp rằng:

– Từ năm thi đậu tới nay tôi làm việc Tòa trên Sài Gòn chờ đâu.

– Trời ơi! Em có đi Sài Gòn mấy lần vậy mà em có dè đâu mà kiếm. Anh thiệt là vô tình quá, sao không gởi thơ từ gì hết vậy?

– Gởi thơ biết nói chuyện gì? Gởi cho ai?

– Gởi cho em.

– Cô có chồng mà gởi cho cô sao được.

– Dữ hôn! Gửi thơ thăm em, nói làm việc gì, ở chỗ nào cho em biết, vậy mà hại gì hay sao. Bây giờ anh ở đâu mà đi đây?

– Bây giờ tôi được quan trên đổi làm việc tại Tòa đây.

– May dữ hôn! Té ra bây giờ anh về đây? Anh về đây từ hồi nào tới giờ?

– Gần một tháng rồi.

– Vậy mà không thềm xuống Ngã Tư chơi chơi!

Thấy cười gằn, cúi mặt ngoảnh dưới đất mà đáp rằng:

– Hú! Xuống Ngã Tư mà làm gì! Vui vẻ gì nên lết xuống đó mà chơi!

– Anh muốn buồn thì buồn, anh muốn vui thì vui; buồn hay vui là tại nơi ý anh, chơi có phải tại ai đâu.

– Cũng có tại người khác nữa chứ.

Cô nghe mấy lời đáp sau đó thì cô ứa nước mắt nữa, cô liếc ngó thầy rồi hỏi rằng:

– Mấy năm nay anh đã có vợ, có con rồi chưa?

Thầy ngước mắt ngó ngay cô mà đáp xăn xớm rằng:

– Cô hỏi tới chuyện đó mà làm gì? Tôi có phải như người ta, thể bữa trước quên bữa sau vậy đâu.

– Té ra mấy năm nay anh chưa cưới vợ sao?

– Vợ là cái gì? Cũng một thứ đờn bà như các đờn bà khác. Rất đôi họ có thể thốt nặng nề kia mà họ còn không ra gì, cưới người khác mà tình nghĩa gì!

– Anh về đây mà anh dọn phố ở riêng hay ở đậu với ai?

- Cô hỏi chi vậy?
- Em muốn lại nhà thăm anh chơi.
- Thôi, gặp đây cũng đủ rồi, thăm nom làm chi.
- Em muốn lại nhà đặng nói chuyện riêng với anh một chút.

Thầy châu mày, lắc đầu, lập nghiêm mà nói rằng:

– Tôi với cô còn chuyện gì nữa đâu mà phải nói. Tôi tưởng tôi với cô chẳng nên nhìn nhau nữa, dẫu gặp nhau cũng phải làm lảng thì hay hơn.

– Em coi ý anh phiền lắm, nên em cần phải nói chuyện cho anh nghe. Dẫu anh thương hay là ghét cũng vậy, xin anh làm ơn chỉ nhà cho em biết đặng trưa tan hầu, em lại thăm anh một chút.

Thầy cười một cách rất cay đắng mà đáp rằng:

– Tôi bây giờ chẳng phải như ngày trước. Tôi không nhà, không cửa, không vợ, không con; tôi không muốn nói chuyện với đờn bà, mà cũng không muốn nghe đờn bà nói chuyện. Xin cô chớ phiền. Tại đời làm cho tánh ý tôi trở ra như vậy đó. Tới giờ hầu rồi. Thôi tôi xin kiếu cô đặng tôi đi làm việc. Chúc cho cô mạnh giỏi luôn.

Thầy dở nón chào cô, rồi dứt mà đi.

Cô lên đứng trên lề đường mà ngó theo, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng.

Kẻ qua người lại ai thấy sắc cô buồn thảm cũng ngó cô, song cô không thềm kể đến thiên hạ.

Cô này tên là Lý Thị Đăng.

Cô vốn là con của Hương Cả Trang ở

gần chợ Ngã Tư, và cô là vợ của một người khách Triều Châu, tên là Bành Nghiệp, làm phó bang trưởng, có tiệm buôn bán hàng xén tại chợ Ngã Tư, lại có ruộng đất được gần 50 mẫu. Cô với thầy Nhân gặp nhau mà đối đãi với nhau: kẻ quyến luyến, người lãnh đạm như vậy, thì ai cũng đều hiểu hai người hồi trước chắc có nhơn duyên với nhau làm sao đó, rồi bị cảnh ngộ chẳng may nó phân rẽ mỗi người một nơi, nên hôm nay mới có kẻ mừng, người giận, mới có tiếng yêu lộn với lời oán.

Thiệt như vậy. Chuyện cô Đằng với thầy Nhân quen biết nhau là một chuyện bi tình, nghĩ cũng giống như các chuyện tình khác, song chuyện này có một cuộc hiệp tan đau đớn làm cho gái ức uất, trai phiền hà.

Số là cô Đằng sanh trong một nhà đủ ăn, chớ không giàu mà cũng không nghèo

gì lắm. Năm cô được 15 tuổi thì bà thân của cô mất. Ông thân của cô là ông Hương Cả Trang, cũng như mấy ông hương chức khác trong làng, cũng có học chữ nho lem nhem, cũng biết nhơn nghĩa sơ sĩa, song không có kiến thức rộng, không có thái độ cao. Vợ chết mới vài tháng thì ông cưới Thị Liêu ở dưới Cái Nhum đặng có người nội trợ. Cô Đăng đã trọng rồi, mà cô lại có tánh đa tình đa cảm, cô cứ thương nhớ mẹ hoài, thế thì cô không làm sao mà yêu mẹ ghẻ cho được. Còn Thị Liêu là người không có giáo dục, thiếu tư cách làm người lớn, thế thì cũng không làm sao mà thấu phục con riêng của chồng. Tại như vậy nên mẹ ghẻ con ghẻ ở trong nhà cứ rầy rà với nhau hoài. Ông Hương Cả Trang lấy làm bối rối hết sức, binh con thì vợ giận, binh vợ thì con phiền, ông không biết liệu lẽ nào cho yên trong nhà.

Ông có một người em nhà chú, có chồng làm Cai Lục lộ ở trên Vĩnh Long. Một bữa nọ ông lên thăm, ông than phiền việc nhà. Vợ chú Cai Lục lộ mới khuyên ông đem cô Đăng lên gởi cho thím nuôi giùm tự nhiên trong nhà hết rầy rà nữa. Ông Hương Cả nghĩ cái chước đó rất hay, ông mới đem cô Đăng lên Vĩnh Long mà gởi.

Lên Vĩnh Long cô Đăng đi chợ, đi mua đồ hằng ngày, cô mới có dịp gặp rồi làm quen với Phan Thanh Nhãn, là một người trai mồ côi mẹ, nhờ một bà góa chồng mà có lòng từ thiện, đem về nuôi và cho đi học tại trường tỉnh.

Lúc nhỏ Nhãn với Đăng quen với nhau là quen như anh em vậy thôi. Lần lần ít năm sau Nhãn thi đậu vào trường trung đẳng học Mỹ Tho rồi, thì cái tình ấy đổi ra làm cái tình ân ái. Hai trẻ thể nguyên kết tóc trăm năm với nhau. Nhãn tự quyết thể nào

hễ học thành công rồi thì cũng cưới Đàng làm vợ, còn Đàng cũng tự nguyện sẽ giữ lòng thờ Nhãn trọn đời, dầu ai sang giàu đến bậc nào cũng không chuộng.

Nhãn học còn có một năm nữa thi ra trường, lại xảy ra chuyện làm cho căn duyên lỡ dở. Năm ấy Đàng đã được 20 tuổi rồi, tuy cũng còn ở với cô, song một vài tháng thì về Nhã Tư thăm cha một lần. Khách Bành Nghiệp góa vợ, thấy Đàng có sắc thì phải lòng, nên cậy mai nói với Hương Cả Trang mà xin cưới. Hương Cả hỏi dò ý con thì Đàng không ưng. Bành Nghiệp biết ý Hương Cả hay nghe lời vợ, bèn theo năn nỉ với Thị Liêu xin làm mai tay trong, hứa rằng nếu giúp lời cho Hương Cả chịu gả thì anh ta sẽ đi lễ cưới 500 đồng bạc, lại đền ơn riêng cho Thị Liêu 200 nữa.

Thị Liêu nghe hơi bạc thì ham, nên ngày đêm theo xúi giục chồng, cứ khen

Bành Nghiệp tánh nết thật thà, cứ khoe Bành Nghiệp gia tài đồ sộ. Hương Cả sợ mịch lòng vợ, mà nghĩ duyên phận của con được như vậy cũng là hạnh phúc, ông bèn lên Vĩnh Long đặng nói với em đặng đem con về nhà gả lấy chồng. Thím Cai Lục lộ nghe Bành Nghiệp giàu có thím cũng ham, nên thím đồng tình với vợ chồng Hương Cả mà rúng ép cô Đăng.

Cô Đăng khóc lóc không ưng Bành Nghiệp; cha bữa thì khuyên dỗ, bữa thì rầy la, cứ theo ép uống hoài, túng thế cô phải khai thiệt cô đã nặng lời thề nguyện với Nhãn, nên cô không thể lấy chồng nào khác hơn Nhãn được. Hương Cả Trang bốn tánh què mùa thấp thỏi, chỉ biết trọng bạc tiền, chớ không biết trọng tình nghĩa, ông không thềm kể tâm sự của con, ông nghe theo lời vợ mà gả nhau con cho Bành Nghiệp.

Mà cô Đăng vẫn là gái ít học. Tuy cô thương Nhãn, tuy cô trọng Nhãn, song cô cũng còn ở trong chế độ gia đình. Cô không có thái độ quả quyết, cô không có nghị lực tự cường, mà dám giải thoát sợi dây luân lý, hay là dám kháng cự mạng lệnh cha mẹ, bởi vậy cô khóc nhều nháo rồi viết thư gửi mà phân trần việc mình cho Nhãn hay và hỏi Nhãn coi phải liệu lẽ nào. Cô đợi hoài mà không thấy thư Nhãn trả lời, cô buồn rầu hết sức, mà đến ngày chồng cưới, cô cũng phải riu riu mà đi về nhà chồng như các cô gái khác.

Từ ấy về sau, Nhãn với Đăng không gặp mặt nhau nữa, mà cũng không có tin tức cho nhau. Đăng có chồng đã 5 năm rồi mới gặp Nhãn hồi sớm mơi nầy, đó là lần thứ nhứt.

Còn thầy Phan Thanh Nhãn thì thầy bị uất về tình, nên mấy năm nay thầy chán

ngán thế thái nhân tâm, thầy phiền, thầy oán hết thấy đồn bà, chẳng những là thầy không chịu gán, mà thầy cũng chẳng muốn ngó một người đồn bà nào hết. Thầy cho đoàn phụ nữ là đoàn giả dối, thầy quyết chí độc thân đơn lập cuộc đời, ban ngày đi làm việc thì lo cho tròn chức nghiệp; ban đêm rảnh thì học chữ Nho và tập đồn cầm. Thầy lập tâm ở một mình mà vui thú phong lưu, thầy nhứt định xa phụ nữ đặng khỏi mang tình giả. Nhờ ách cư xử như vậy mà mấy năm nay trí thầy rất yên ổn, lòng thầy thanh thoi.

Buổi sớm mới nầy, tình cờ thầy gặp cô Đăng. Người thầy đã nhứt định không thềm để ý đến mà lại còn gặp gỡ làm chi, thầy nói cùn quần rồi dứt chuyện mà lánh phứt cô cho rảnh. Mà vô Tòa làm việc, hình dạng của cô cứ vờn vờ trước mắt, những lời cô nói cứ văng vẳng bên tai hoài, làm cho trí thầy xao động, không bình tĩnh như

xưa nữa. Đến 11 giờ tan hầu thầy đi về nhà, ở dãy phố dưới Cầu Lầu. Ra khỏi cửa thầy ngó quanh quất, rồi chầm rãi mà đi. Về tới nhà, thầy thấy cửa khép, thầy mới xô cửa mà vô.

Cô Đẳng đứng chân gần dưới bếp mà coi người nấu ăn dọn cơm. Thấy thầy thì thầy chưng hửng, thầy vói tay khép cánh cửa lại mà đi thẳng vô buồng mà thay đồ, miệng chum chim cười.

Cái tánh tình của con người thiệt là khó dò. Hồi sớm mời thầy không chịu chỉ nhà cho cô, là ý thầy không muốn cô lân la tới lui. Mà bây giờ thầy thấy cô đứng trong nhà thì lòng thầy lại phơi phới, mặt có sắc hân hoan. Thay đồ rồi bước ra, thầy thấy cô đương dọn cái bàn ăn để gần cửa xuống nhà bếp, thì thầy hỏi rằng:

– Sao cô biết nhà tôi ở đây mà cô lại?

Cô liếc mắt ngó thầy, miệng cười ngòn
ngòn mà đáp rằng:

– Anh không chịu chỉ, mà em tìm cũng
ra.

– Ai chỉ cho cô đó?

– Em hỏi thăm mấy chú lính gác đường.

– Mấy chú đó thày lay quá!

– Bây giờ anh giận lây tới mấy người
làm ơn cho em nữa hay sao?

– Tôi giận là tôi giận ai, chớ mấy người
ấy có lỗi chi với tôi đâu mà tôi giận.

– Anh giận em thì nói ngay ra, nói xa
nói gần làm chi. Tại sao anh giận đến nỗi
không muốn cho em tới nhà, đâu anh nói
cho em nghe thử coi?

– Việc đó cô biết nhiều hơn tôi nữa, sao
cô lại hỏi tôi?

– Em biết lắm chứ. Em biết em phải giận anh. Mà em không giận, sao anh trở lại giận em?

– Cô nói nghe trái đời quá!

– Em nói phải lắm, chứ có trái đời đâu.

Người nấu ăn bưng mâm cơm lên, cô Đăng tuy là khách, song cô tiếp dọn đồ ăn để trên bàn, rồi cô ngồi trước, so đĩa và nói rằng:

– Hồi sớm mới em kiếm được nhà rồi em biểu anh nấu ăn mua thịt cá thêm đặt nấu cho em ăn nữa. Anh có giận em, xin anh cũng để cho em ăn cơm với nghe hôn?

Thầy chúm chím cười rồi ngồi ngang mặt mà ăn cơm với cô, sắc mặt thầy có vẻ lo nhiều; còn cô thì một lát cô ngó thầy dường như cô muốn nói chuyện gì, mà thấy bộ thầy ngần ngại tư lự nên cô không nói.

Ăn cơm rồi, ngâm một điều thuốc đi qua đi lại một hồi lâu mà không nói tới cô. Thành linh thấy vùng hỏi cô rằng:

– Hồi nãy cô nói quấy là tôi quấy, còn cô thì phải lắm. Cô đã thề nguyện với tôi, rồi cô bội ước, bỏ tôi mà đi lấy chồng khác. Cô ở với tôi như vậy đó, cô phải lắm hả?

– Em đã bội ước mà phải nổi gì! Nhưng mà em bội ước đó là tại nơi anh. Lẽ thì em phải giận anh, chớ sao anh trở lại giận em?

– Tại tôi là sao?

– Ngày cha em ép uống gả em lấy chồng, em vì nặng lời ước hẹn với anh, nên em bối rối hết sức. Lúc ấy em chẳng khác nào như người chơi vơi ngoài biển, em viết thư xin anh cứu em. Anh không về mà dạy em coi phải làm sao, lại cũng không gởi thư trả lời. Phận em là gái, em cùng thế rồi, tự nhiên em phải co tay để cho cha đem bán em cho

người ta mà lấy tiền chớ biết làm sao.

– Tôi mắc học làm sao mà về được. Còn gởi thơ cho cô, tôi biết nói làm sao; nếu tôi gởi thơ rủ người khác họ nhận thì tôi mang họa, chớ phải dễ hay sao.

Cô Đăng nghe mấy lời ấy thì nước mắt tuôn dầm dề. Cô khóc một hồi rồi nói rằng:

– Bây giờ em mới biết anh không thương em. Nếu thiệt anh trọng chữ tình, anh trọng duyên nợ trăm năm thì anh đâu kể sự học, anh có sợ gì tai họa.

Thầy Nhân đứng lại, đáp rằng:

– Cô nói tôi không thương cô à? Thiệt tôi không hiểu tại sao mà tôi thi đậu, tại sao mà tôi còn sống đi làm việc được đây đa, nói cho cô biết.

– Nếu anh thương em, sao hồi đó anh không ra tay cứu vớt em?

– Phận tôi không có cha mẹ anh em gì hết. Tôi nhờ người ta nuôi mà cho đi học. Tôi phải học cho thành công đăng khỏi phụ lòng người ta. Mà tôi lại nguyện học đến cùng đăng đôi ta chung hưởng sung sướng với nhau. Nếu bán đồ nhi phế¹ thì tôi có lỗi với kẻ làm ơn cho tôi, mà đường sanh hoạt của đôi ta lại khó khăn trọn đời nữa. Hồi đó tôi cứu cô làm sao được mà cô biểu cứu?

– Miễn được phỉ nguyện thì thôi, giàu nghèo có cần gì. Em ở đợ em nuôi anh, em cũng vui lòng mà.

– Tôi làm trai, tôi đành chịu như vậy hay sao? Lúc cô lấy chồng đó tôi còn học có một năm nữa mà thôi. Nếu bụng cô thương tôi, cô kháng cự hẳn hỏi thì ai làm sao mà gả cô lấy chồng cho được. Có lẽ cô thấy thằng khách đó giàu, cô cũng bằng lòng, nên cha mẹ mới gả chớ.

1 半途而廢 : bỏ cuộc giữa đường.

– Anh nói chi những tiếng bất nghĩa như vậy! Những tiếng ấy làm cho em chết được chứ không phải chơi đâu. Thuở nay anh thấy có con gái nào cha mẹ gả lấy chồng mà dám chống cự không chịu về nhà chồng hay không? Theo phong tục của mình, em chưa thấy ai bất hiếu đến thế. Bị ép duyên, hoặc sâu nảo tự vận mà chết, hoặc gần ngày chồng cưới trốn bỏ mà đi thì có. Hồi đó em cũng có tính tới hai việc ấy. Nhưng mà em nghĩ hai việc đều không nên làm hết thảy. Dại gì mà phải hủy mình; hễ hủy mình thì làm sao mà trọn nguyện ước cho được. Còn trốn mà đi thì biết đi đâu; con gái hễ ra khỏi nhà thì hư thân liền, có phải dễ đâu. Trong bà con thì em chỉ có người cô ở Vĩnh Long đây mà thôi. Mà cô cũng ép gả em, thì em còn mong nương dựa sao được. Xin anh nghĩ lại mà thương giùm thân em chứ đừng trách em tội nghiệp.

Thầy Nhãn châu mày rồi cúi mặt mà nói chầm rãi rằng:

– Nếu sợ thất hiếu với cha thì đi tu.

Cô Đăng nghe hai tiếng “đi tu” thì cô giựt mình. Cô ngồi trầm ngâm một hồi, rồi cô thở dài mà đáp rằng:

– Thiệt hồi đó bối rối quá em không nghĩ tới việc đi tu. Mà nếu cạo đầu đi tu, thì làm sao sum hiệp cùng anh cho được?

– Tu niệm đặng chờ kiếp khác chớ.

– Anh biểu như vậy thì phải lắm. Ngặt vì cái việc đó cao quá, em với không tới. Em tỏ thiệt với anh, hồi đó em tính thấp như vậy: một bên thì hiếu, một bên thì tình. Ôn sanh thành nặng nề, thôi em vưng lịnh cha mà lấy chồng cho trọn thảo với cha. Mà lấy chồng đó là lấy đỡ cho khỏi trái ý cha mà thôi, chừng nào anh học xong rồi, nếu anh không phụ em, thì em sẽ lập thế để chồng

đặng đôi ta sum hiệp cùng nhau cho khỏi lỗi lời thệ ước. Em tính như vậy mà mấy năm nay anh biệt tích, em không biết anh ở đâu mà kiếm, thiệt em buồn rầu không biết chừng nào, Bây giờ cha em đã mất rồi, mà nay em lại được gặp anh đây nữa. Thảo em đã trả xong, tình em còn mang nặng. Vậy anh liệu cho em phải làm sao. Xin anh dạy. Anh muốn lẽ nào em sẽ làm theo liền.

Thầy Nhãn kéo ghế ngồi ngang cô Đăng, thầy chống cánh tay trái trên bàn, rồi để cái trán vào bàn tay, trí bàng hoàng suy nghĩ. Cô Đăng ngó thầy trôn trôn, đợi một hồi lâu mà không nghe thầy trả lời, cô bèn nói rằng:

– Đôi ta thể nguyên rất nặng lời, tiếc vì lúc em bị ép duyên, anh mắc ham học, anh không cứu vớt em; còn phận em thì em mắc vì chữ hiếu mà phải thất ước. Đôi ta đều có lỗi hết cả, anh lỗi về ham danh lợi,

em lỗi về khinh trịnh tiết. Thôi, tại nhơn duyên của mình phải trắc trở như vậy, bây giờ chẳng nên phiền trách nhau làm chi, để lo gây cuộc trăm năm lại thì hay hơn.

Thầy châu mày thở ra mà đáp rằng:

– Hồi sớm mơi tôi đã có nói với cô: Bây giờ chúng ta gặp nhau phải làm lãng, chẳng nên nhìn nhau ...

– Làm lãng sao cho được.

– Dầu không được cũng phải rán, chớ lãn la như vậy thì có tội lớn lắm, cô ôi!

– Tội gì?

– Chúng ta ắt chẳng khỏi tội tà dâm là một cái tội ác khốn nạn lắm.

– Hứ! Tội ác! Em chẳng còn biết sợ tội gì nữa hết. Vậy chớ hồi nhỏ em có phạm tội ác nào đâu, mà sao em phải sa địa ngục mấy năm nay đó? Thà em thoát khỏi cái địa

ngục hiện tại đó cho rồi, chừng chết Phật Trời muốn đày em vào địa ngục nào nữa tùy ý.

– Địa ngục hiện tại là địa ngục gì đâu?

– Mình ghét người ta, mình khinh khi người ta, mà mình phải ép lòng phụng sự người ta, phải ép lòng để cho người ta ôm ấp. Em ở vào cái cảnh như vậy đó, há không phải ở trong địa ngục hay sao?

– Ấy là như quả đó a cô. Có lẽ kiếp trước cô ở với chồng thiếu sót sao đó, nên kiếp này cô mới phải lấy chồng như vậy để trả nợ tiền khiên.

– Anh cứ nói đạo đức hoài, em buồn quá.

– Ở đời đạo đức là cây nêu để cho loài người nhắm mà đi đặng khỏi sa vào đường quấy, không giữ đạo đức sao được.

– Hứ! Đạo đức! Nếu thiên hạ biết làm theo đạo đức thì đâu có người mạnh hiếp kẻ yếu; đâu có người khôn gạt kẻ dại; dì ghẻ em đâu có khắc bạc em, cha em đâu có gả em cho Chệt khách đặng lấy tiền. Em không cần đạo đức, mà em cũng không sợ tội lỗi gì hết. Mấy năm nay tuy em có chồng, song chẳng có giây phút nào mà em quên anh. Em nói thiệt với anh: vì đôi ta có thể nguyên với nhau, bây giờ gặp nhau, em nhứt định bỏ chồng theo anh, dầu phải mang tội gì em cũng không sợ.

– Cô nói như vậy thì quấy lắm! Hồi nhỏ chúng ta khờ dại nên nhen nhúm cái lò lửa tình cho nó phát ra cái ngọn lửa thảm. Mấy năm nay đôi ta cháy lòng cháy dạ, nám mặt nám mày, mà đôi ta còn sống đây, phận tôi thì tôi nhờ cái thú cầm thi nó làm cho tôi khuây lãng, còn phận cô nhờ có cuộc gia thất nên quên được chuyện xưa.

Thôi, lò lửa tình đã giục tắt được rồi, ấy là may, chẳng nên nhen nhúm khêu gợi làm chi. Tôi xin cô: nếu cô thiệt thương tôi, thì hãy để cho lòng tôi yên tịnh; nếu cô biết trọng nghĩa, thì hãy giữ tiết với chồng cho tròn. Còn những lời thề nguyện của chúng ta chẳng trọn, cái duyên nợ chúng ta đã rã rời, thì chúng ta phải rán tu niệm cho thành tâm, tu niệm kiếp này đặng kiếp sau sum hiệp. Chúng ta chẳng nên vì sắc dục mà nghịch lễ Trời, trái đạo làm người và phạm tội tà dâm. Tôi khuyên cô phải trở về với chồng cho tử tế, đừng thềm tưởng đến tôi nữa, đừng tới nhà tôi làm chi.

Cô Hằng khóc tức tưởi mà nói rằng:

– Bây giờ em mới biết anh không thương em chút nào hết! Hèn chi hồi đó em gởi thơ mà anh không về, lại anh cũng không thềm trả lời. Anh gạt em chi lắm vậy?

Hồi nhỏ anh chấp mỗi tơ tình cho em làm chi, mà chấp rồi anh lại bút dứt đi? Anh có biết mấy năm nay em vì ai mà em đau đớn buồn thảm đêm ngày hay không hử? Tuy nay xác em đã nhơ nhuốc nhưng mà tình của em đối với anh vẫn còn y nguyên. Em gặp được anh em mừng hết sức, là vì em tưởng anh cũng như em, anh không quên em, anh trọng tình hơn trọng xác. Té ra anh cũng như họ, anh là người ham danh ham lợi, không biết trọng cái tình. Anh làm bộ nhơ nghĩa, anh bày chuyện tu hành, anh muốn cho thiên hạ khen anh là người đứng đắn, còn thân em chìm nổi trong biển thảm, tan tác trong lò tình, mặc kệ em! Em hiểu rồi: Anh độc lắm, anh phiền em, anh muốn cho em chết đặng dứt lời thề cho anh cưới vợ. Được, anh muốn cho em chết thì em vâng. Sống mà làm bận lòng anh thì không nên sống làm gì, thà chết đặng thoát khỏi

nhà chồng là cảnh địa ngục, chết đặng giữ cái tình là cái em quý trọng bấy lâu nay, chết cho anh được tiếng khen là thầy thông đạo đức, chết cho anh an tâm mà vui thú cầm thi của anh, rồi cưới vợ sanh con mà hưởng phú quý với thiên hạ.

Cô và nói mấy câu sau và đứng dậy men men ra phía trước, nước mắt nước mũi chầm ngoà. Thầy chạy theo nắm tay cô mà hỏi rằng:

– Cô Hai, tôi lấy lẽ chánh đáng mà khuyên cô, sao cô lại gia tiếng oán mà nói tôi muốn cho cô chết?

Cô vịn hai cái tay trên vai thầy, cô úp mặt vào ngực thầy, cô và khóc và nói rằng:

– Anh không thương em, thôi thời em chết phút cho rồi, chớ sống nữa mà làm chi!

Thầy lắc đầu rồi cũng choàng tay ôm ngang qua mình cô mà khóc. Vì cái tình mà bao nhiêu chánh trực, bao nhiêu đạo đức đều tan rã hết.

CHƯƠNG 2

TÌNH VÀ TỘI

Lỗi 9 giờ tối. Trời mưa lâm râm, gió thổi phay pháy. Thầy Nhãn khép cửa, rồi nằm trên ghế canapé để dựa vách, tay ôm cây đàn mà khảy, miệng ngâm:

Mưa thu rỉ rả gió hây hây

Nhớ khách chung tình khách có hay?

Cô Đăng mình mặc áo mưa, đầu choàng khăn lạnh, xô cửa nhẹ nhẹ bước vô nhà, rồi lần lại đứng phía đầu ghế chỗ thầy Nhãn

nằm, mà thầy không hay, thầy cứ khảy đàn
mà ngâm tiếp rằng:

Tan hiệp nhơn duyên ai nữ khiến,

Thị phi miệng thế khó làm khuây.

Thầy ngâm tới đó, thì cô cúi mặt xuống
rồi hai tay ôm đầu thầy mà hun tro hun trất.
Thầy buông cây đàn, kéo cô lại ngồi trong
lòng thầy và hỏi rằng:

– Làm sao ban đêm em lên được?

Cô lột khăn và ngó thầy, cười mà đáp
rằng:

– Em mượn xe song mã em đi.

– Em nói sao với chồng em mà em đi
được?

– Nó đi Sài Gòn hồi sớm mơi rồi. Đi
bán lúa rồi bỏ hàng về bán.

Thầy nắm tay cô mà hun hai ba cái rồi nói rằng:

– Em mượn xe em đi như vậy không sợ thiên hạ họ hay rồi mang tiếng sao?

– Anh tưởng em dại lắm hay sao? Xe lên tới, em biểu ngừng ngoài chợ. Em trả tiền rồi em làm bộ vô mấy tiệm mua đồ một hồi. Đi một khúc xa rồi em mới kêu xe kéo mà vô đây chớ.

Cô đứng dậy cởi áo mưa vắt trên ghế, bước ra đóng cửa chặt, vặn đèn lên cho sáng, rồi trở lại cũng ngồi trong lòng thầy, hai tay ôm mặt, cặp mắt nhìn trân trân; miệng cười chúm chím mà hỏi rằng:

– Hôm nay lâu lên, em nhớ anh quá! Anh còn thương em hay không?

Thầy vói tay kéo cô xuống, hai mặt kề nhau, rồi thầy nói:

– Em hỏi kỳ quá! Nếu qua không thương em thì có đâu qua phải mang tội tà dâm như vậy.

Cô vùng buông thấy ra mà nói rằng:

– Rõ ràng anh không thương em, bởi vì nếu anh thương em thiệt tình thì có đâu anh lại kể chánh dâm hay tà dâm.

Thầy châu mày, song gượng cười mà đáp rằng:

– Chồng của em chàng ràng trước mắt qua hoài, ngày như đêm qua không thể nào mà quên được. Vì chữ tình mà đôi ta phạm tội nặng lắm em ôi! Xa em thì qua thương nhớ, mà gần em thì qua ăn năn vô cùng.

Cô nghe mấy lời thì cô ngồi lặng thinh.

Thầy hỏi rằng:

– Đôi ta gần nhau mấy tháng nay, vậy

mà chồng của em có tỏ dấu gì nghi chút nào hay không?

– Không.

Cô ngồi trơ trơ mà suy nghĩ một hồi rất lâu, rồi cô vụt nói rằng:

– Em hiểu rồi, tại chồng của em nên anh không thể thương em cho hết tình được. Hễ đôi ta gần nhau thì có chồng của em đứng giữa hoài. Cái hình của chồng em phải tiêu mất thì đôi ta mới vui vẻ mà hưởng hạnh phúc sum vầy được. Em nhút định ở luôn trên nây với anh, không thềm về Ngã Tư nữa. Chồng của em muốn làm sao thì làm, thiên hạ cười chê mặc họ, miễn là đôi ta phỉ tình thì thôi. Hễ anh thương em thì em không kể việc gì hết.

Thấy nghe như vậy thì lồm cồm ngồi dậy mà nói rằng:

– Em đừng có nói liều mạng vậy không nên.

– Ôi! Dầu nên dầu hư cũng một đời mà thôi! Đôi ta có thể ước nặng lời, tại người ta phân rẽ duyên nợ đôi ta, nên mới đến nỗi này, gần nhau mà không đặng vui vẻ chi hết. Nếu em mang tội “có chồng mà lại lấy trai”, thì cái tội ấy tại ai, chớ không phải em đâu.

– Cũng tại mình nữa chớ! Em quên rồi hay sao? Hồi mới gặp nhau em có nói: Đôi ta phân rẽ nhau, một là tại qua ham danh lợi, hai là tại em khinh trịnh tiết. Lời em nói đúng đắn lắm. Mình phải nhận lỗi của mình, chớ đổ cho người khác sao được. –

Em nhứt định rồi. Bể nào em cũng không ở với chồng em nữa được.

– Em lấy chồng có hôn thú đủ phép. Em bỏ chồng về ở với qua, chồng em nó

thưa với Tòa thì chúng ta đều bị án gian dân chớ phải chơi sao.

– Bị chết chém em cũng không sợ nữa.

Thầy ngồi thở ra, trong lòng rất bối rối, nửa khoản khoái về tình, nửa bản khoản về tội.

Cô thấy thầy buồn, cô choàng tay qua cổ thầy và khẽ mặt nói nhỏ rằng:

– Thôi, anh đừng buồn chi hết, để thùng thảng rồi sẽ tính. Bây giờ gặp nhau mình phải vui vẻ đừng trừ những lúc thương nhớ chớ.

Thầy ngồi ngó ngọn đèn trần trần, không nói tiếng chi hết.

Cô nói tiếp rằng:

– Em có chữa rồi ... Có chữa đó là con của anh đa, thiệt như vậy, mà phải tin lời em, đừng nghi chi hết.

Thầy ngó cô lắc đầu đáp rằng:

– Nếu thiệt như vậy thì tội ác còn lớn hơn nữa.

Cô cười mà nói rằng:

– Anh cứ nói tội hoài! Thầy kệ mà! Miễn là mình được sum hiệp thì thôi, hơi nào mà sợ tội.

– Qua là người có học, qua biết xét phải quấy, không sợ tội làm sao cho được, em.

– Anh có sợ tội thì thôi anh làm như vậy. Anh bỏ, đừng thềm làm thầy thông, thầy ký nữa; em cũng bỏ chồng em, rồi hai đứa mình dắt nhau lên Thất Sơn hoặc Trà Lơn kiếm một đảnh núi thiệt kín đáo ở mà tu với nhau. Anh chịu như vậy hay không?

– Em tính cái đó thì hay. Mà tu chung với nhau thì làm sao thành chánh quả cho được.

– Thành giống gì? Ở thế gian đôi ta gần nhau anh sợ tội, thì mình lánh thiên hạ lên núi ở, đặng mình thông thả mà thương yêu nhau vậy thôi chớ.

– Nếu vậy thì tu giống gì?

– Đó là tu chớ sao. Hy vọng của em là muốn đôi ta sum hiệp trọn đời, chùng chết rồi mình thành giống gì cũng được.

– Em muốn sum hiệp mà em bày như vậy thì qua sợ e phải phân ly, chớ không được sum hiệp đâu, em.

– Sao vậy? Ở giữa xã hội, mình bị phong hóa ràng buộc, mình không sum hiệp được, thì mình trốn lên non cao, rừng rậm mình sum hiệp với nhau, có cái gì mà phân ly mình nữa được.

– Duyên nợ tại Trời định, chớ không phải muốn mà được đâu em. Kiếp nầy đôi ta đã thể thốt nặng lời mà không sum hiệp

nhau lâu dài được, ấy là tại đôi ta không có
nhơn duyên. Vậy đôi ta phải rán mà chịu
khổ về nỗi phân ly, hoặc may kiếp khác
đôi ta sẽ được sum hiệp. Chớ đôi ta vì tình
dục mà đeo đuổi với nhau như vậy hoài thì
chẳng những là không được sum hiệp, mà
sợ e còn phải phân ly nhiều kiếp lắm em.

– Anh nói đạo đức quá! Hồi nào theo
hồi nấy, hơi nào mà lo xa như vậy. Đợi kiếp
khác biết có gặp nhau hay không. Thôi, kiếp
này mình tính sum hiệp phút cho xong rồi
kiếp sau ra làm sao cũng được.

– Em nói ngang tàng quá, không kể
Trời Phật chi hết!

– Trời Phật ở đâu? Nếu có Trời Phật thì
đôi ta có phân rẽ như vậy đâu. Nếu có Trời
Phật thì em vô tội mà sao thân em phải sa
vào cảnh địa ngục như vậy?

– Có lẽ tại mình lén cha mẹ mà thương yêu nhau, thể nguyên với nhau, nên Trời Phật mới phạt mình phải biệt ly đó đa em.

– Phạt mấy năm nay đã vừa rồi. Bây giờ phải tha đặng cho người ta sum hiệp cho khỏi mắc lời thể chớ. Có lý nào phạt trọn đời người ta lận. Rất đổi là Tòa mà cũng tùy tội nặng nhẹ mà phạt năm bảy tháng hoặc một năm, chớ có phải hể phạm tội thì kêu án chung thân hết thấy đâu. Anh làm thông ngôn Tòa anh rõ việc đó chớ.

Thầy nghe mấy lời tức cười, lắc đầu rùn vai rồi đốt thuốc mà hút.

Cô đi rót nước uống, rồi hai người dắt nhau vô bộ ván phía trong mà nằm, thầy đờn và dạy cô ngâm nhỏ nhỏ. Ngoài hiên giọt mưa vẫn còn rỉ rả, ngọn gió vẫn còn lao rao...

Đến sáng cô Đăng mới mượn xe trở về Ngã Tư. Mà đêm sau cô cũng lên nữa và cũng ở sáng đêm với thầy, lúc mê mẩn vì tình, lúc thở than vì phận.

Lần sau, lúc sửa soạn về, thì cô khóc mà nói rằng:

– Ngày mai chắc chồng em về. Hễ nó về thì em lên nữa không được... Phải tính làm sao chớ nếu ở vào cái địa vị kỳ cục như vậy thì em chịu sao nổi.

Thầy thở ra mà đáp rằng:

– Vậy chớ phận qua đây lại dễ chịu lắm hay sao?

Đêm sau nữa cô không có lên. Thầy chắc chồng cô đi Sài Gòn đã về rồi.

CHƯƠNG 3

Cách một tuần lễ, một buổi sớm
mơi, quan Biện lý cho hầu, thầy
Nhân đứng thông ngôn, Hương quản chợ
Ngã Tư vào hầu và trình một tờ phúc bẩm.

Thầy Nhân dịch tờ ấy cho quan Biện Lý
nghe. Tờ phúc bẩm nói rằng: Bành Nghiệp
là phó Bang Trưởng Triều Châu, người
buôn bán lớn ở chợ Ngã Tư, đương mạnh
mẽ như thường, chẳng hiểu vì có nào hồi
đầu hôm vật mình vật mẩy lẫn lộn chừng
một giờ đồng hồ rồi chết. Hương Quản với
Chánh Lục Bộ hay tin, bèn đến khám xét,

thì thấy mình mảy Bành Nghiệp bầm đen, nhứt là phía sau lưng với tay chân, Hương Quán nghi Bành Nghiệp trúng thuốc độc, nên gìn giữ tử thi không cho tản liệm, để chạy tờ phúc bầm dãi lịnh Tòa.

Thầy Nhân dịch tờ phúc bầm rồi thì thầy biến sắc.

Quan Biện Lý dạy Hương Quán về giữ tử thi, đừng cho ai động đến, đợi ngài xuống khám nghiệm tra xét rồi ngài sẽ định đoạt.

Hai giờ chiều, quan Biện Lý, quan Thẩm Án, quan Lục Sự với quan Thầy Thuốc, ngồi xe xuống Ngã Tư.

Thầy Nhân phải theo làm thông ngôn. Hương chúc đón rước rồi dắt lại tiệm Bành Nghiệp.

Khi các quan bước vô tiệm, cô Đăng chấp tay cúi đầu chào, chống chết mà cô không khóc, lại mặt mày cô tái lét. Thầy

Nhân không dám ngó cô, lại sắc mặt thấy nghiêm nghị lắm.

Quan Thầy thuốc khám tử thi, bàn luận với hai quan Tòa, rồi sửa soạn mổ mà coi tỳ vị.

Quan Thẩm án liền mở đường tra vấn. Thầy Nhân dạy Hương Chức đòi vợ Bành Nghiệp lại đứng trước mặt quan Thẩm Án mà khai.

Thầy Nhân thông ngôn hỏi tên họ, tuổi, cha mẹ và nghề nghiệp của cô Đăng rồi thầy hỏi rằng:

– Ở trong tiệm đây hết thầy mấy người, kể tên từ người coi?

– Bẩm quan lớn, trong tiệm thì có vợ chồng tôi với chú Thêm đứng bán đồ và chị Cải coi nấu ăn sau bếp, chớ có ai nữa đâu.

– Chồng tôi có nhà riêng nữa hay không?

– Bẩm không. Vợ chồng tôi ở tại tiệm đây. Song chồng tôi có một chành lúa ở phía bên kia sông. Bên chành lúa có 4 người ở coi mua bán lúa.

– Mấy người ở bên chành lúa đó An nam hay là Khách trú?

– Bẩm. hai người An nam, hai người Triều châu.

– Cô làm vợ chồng với Bành Nghiệp được mấy năm rồi?

Cô Đẳng nghe thầy Nhãn hỏi tới câu đó thì cô ngó thầy chúm chím cười.

Thầy trợn mắt nạt rằng:

– Quan lớn hỏi, sao không trả lời mà lại hí hờn? Vui lắm hả?

– Bẩm, vợ chồng ở với nhau năm năm rồi.

– Vợ chồng có hôn thú hay không?

– Có.

– Ở với nhau có con hay không?

Cô Đăng chúm chím cười nữa và đáp nhỏ nhỏ rằng:

– Không có.

Quan Thẩm Án day qua nói với thầy Nhãn rằng:

– Cô này chồng chết mà coi bộ không buồn.

Ngài hỏi tiếp nữa:

– Cô nhớ coi chồng của cô mấy tháng nay có gây gổ thù oán với ai hay không?

– Bẩm không.

– Buôn bán không có rầy rà với ai hay sao?

– Bẩm, không biết có hay không, tôi không thấy.

– Còn ở với tôi tớ bạn bè trong tiệm, chồng cô có hay rầy hoặc đánh đũa nào hay không?

– Có khi giận cũng rầy chút đỉnh, làm sao mà khỏi được.

– Cô nhớ kỹ coi tôi tớ trong nhà có đũa nào giận chồng cô hay không?

– Bẩm. cái đó tôi không hiểu.

– Ngày hôm qua chồng cô có đi đâu hay không?

– Bẩm. không.

– Cô chẳng nên trả lời bướng. Cô phải suy nghĩ lại. Không lẽ tối một ngày hôm

qua chồng cô ở nhà hoài.

– Bẩm, cũng đi trong chợ này, hoặc qua
chành lúa chó.

– Ủ, chớ sao cô nói không có đi đâu
hết.

– Tôi tưởng hỏi có đi đâu xa hay không.

Quan Thẩm Án ngồi suy nghĩ một hồi
lâu rồi bỏ đi lại đứng với quan Biện Lý mà
coi quan Thầy thuốc mổ tử thi.

Cô Đẳng khoanh tay đứng dựa bên
thầy Nhẫn mà thầy làm lơ, hình như thuở
nay không biết cô, thầy không ngó cô và
cũng không nói tiếng chi nữa hết.

Một lát quan Thẩm Án trở lại với quan
Biện Lý mà nói rằng:

– Bành Nghiệp bị thuốc chết bằng pháo
chà, trong bao tử còn bằng cốt rở ràng.

Thầy Nhãn châu mày xụ mặt. Cô Đăng khoanh tay ngó, ngó xuống đất mặt tái xanh.

Quan Thấm Ân biểu hỏi cô rằng:

– Chiều hôm qua chồng cô ăn cơm nhà hay là ăn ở đâu?

– Bẩm. ăn ở nhà.

– Ăn với ai?

– Ăn có một mình.

– Cô không có ăn hay sao?

– Chiều hôm qua tôi đau bụng nên tôi không ăn cơm.

– Ai nấu cơm và dọn ăn đó?

– Bẩm, chị Cải.

– Hôm nay vợ chồng cô có xích mích rầy rà với nhau về chuyện gì hay không?

– Bẩm, không.

Quan thầy thuốc khán nghiệm thì chồng cô bị thuốc độc rõ ràng, thuốc bằng pháo chà. Vậy mà cô có nghi cho ai bỏ thuốc độc hại chồng cô đó hay không?

– Bẩm, có biết ai đâu mà dám nghi. Không biết chừng chồng tôi buồn rầu lên uống pháo chà mà chết.

– Chồng cô có việc gì buồn rầu hay sao?

– Bẩm, tôi không rõ. Tôi nói đó là tôi nghi mà thôi chứ.

– Tại sao mà cô nghi như vậy?

– Bẩm. chồng tôi buôn bán lớn, việc lời lỗ tôi hiểu sao được. Lại bên Tàu có thơ qua thơ lại hoài, tôi không biết chữ Tàu, tôi có hiểu đâu.

Quan Thẩm Án biểu đòi Thị Cải, là người ở nấu ăn trong nhà, ra ngài tra hỏi.

Thị Cải mặc lục đục dưới bếp tối ngày nên không biết việc chi hết, mỗi bữa nấu cơm dọn cho chủ ăn như thường, chẳng thấy chi lạ. Những lời khai của chị ta không có chi giúp cho Tòa được.

Quan Thẩm Án mới kêu chú Trần Thêm, là khách Triều Châu, đứng bán hàng trong tiệm lại mà lấy khai. Ngài hỏi dòng do một hồi rồi hỏi rút rằng:

– Chú ở trong tiệm vậy mà chú có biết vợ chồng Bành Nghiệp thuận hòa với nhau hay không?

– Không có thuận mà, rầy rà với nhau hoài.

– Tại sao mà rầy?

– Hôm trước ông Bang đi Thầy Gòn² mấy bữa. Vợ ở nhà bỏ đi đêm, ông Bang về ông Bang hay, ông Bang rầy chớ.

² Giọng đọc của người Tàu: “Thầy Ngòn”.

- Vợ chồng có đánh lộn hay không?
- Có chớ. Ban đêm gây lộn rồi đánh lộn mà.
- Có thừa tới làng hay không?
- Hồng có. Rầy trong nhà vậy mà.
- Thuở nay có hay gây lộn như vậy hay là mới gây từ hôm đi Sài Gòn về đó?
- Thuở nay cũng có rầy rà hoài, mà không có đánh lộn. Từ hôm đi Thầy Gòn về mới đánh lộn chớ.
- Chú có bà con với Bành Nghiệp hay không?
- Không có bà con, người một nước vậy mà.

Quan Thẩm Án kêu cô Đăng lại cho đối diện với Trần Thêm. Ban đầu cô chối, cô nói vợ chồng hòa thuận luôn luôn. Quan

Thẩm An hỏi riết, lại bị Trần Thêm nói quả quyết rõ ràng quá, cô không thể chối được nữa, cô mới chịu vợ chồng có rầy lộn, song cô nói rằng sự rầy lộn ấy sơ sai mà thôi, chẳng có chi đến nỗi phiền lắm.

Quan Thẩm An ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi nữa rằng:

– Chồng cô có ghen hay không?

– Bẩm. Khác trú có vợ An nam, người nào mà khỏi ghen.

– Hồi nãy Trần Thêm khai rằng lúc chồng cô đi Sài Gòn, cô bỏ tiệm đi hai ba đêm, chồng cô về hay chuyện ấy nên mới rầy. Cô đi đâu đó vậy?

– Bẩm, tôi nghe cô tôi ở trên Vĩnh Long đau, ban đêm nghỉ buồn bán, nên tôi đi thăm. Tôi đi có một bữa, chú Thêm nói láo, chớ có đi đâu mà tới ba đêm.

Cô Đăng đứng khai câu ấy, mà mắt cô ngó thấy thông ngôn trôn trôn.

Thầy Nhân ngó chỗ khác.

Quan Thẩm Án hỏi nữa rằng:

– Cô nói cô đi thăm người cô ở trên Vĩnh Long là ai vậy?

– Bẩm, cô của tôi là Lý Thị Khương, vợ của Cai Lục lộ Bến.

Quan Thẩm Án gặc đầu, ngài bàn nghị với quan Biện Lý rồi kêu Hương Quán mà dặn rằng:

– Tử thi của Bành Nghiệp thì cho phép gia quyến nó lãnh mà chôn được. Hương Quán phải bắt giam Trần Thêm với Thị Cải tại nhà việc liền bây giờ, rồi sáng mai giải hai người ấy lên Tòa cho tôi hỏi lại nữa.

Ngài qua nói với cô Đăng rằng:

– Còn cô thì tôi để cô thông thả tạm mà lo chôn cất chồng. Song cô không được phép đi đâu. Hễ có trát Tòa đòi, cô phải đến hầu.

Hai quan Tòa với Thầy thuốc, Lục sự, Thông ngôn lên xe mà về.

CHƯƠNG 4

Thầy Nhãn về nhà, chiều bữa ấy thầy ăn cơm không được.

Trời vừa tối thì thầy thơ thần đi ngoài đường; thầy lựa mấy đường vắng vẻ mà đi dặng có suy nghĩ, mà vì trong lòng thầy cứ hồi hộp, trong trí thầy cứ bàng hoàng nên thầy không suy ra việc gì hết.

Đã khuya rồi, xe hết chạy, người hết đi. Thầy đi vòng ra tới cầu tàu lục tỉnh. Thầy đi đã mỏi chùn, nên tạm ngồi trên một cái băng mà nghỉ. Trên trời vùng trăng vặc vặc,

trước mặt dòng nước mình mông, gió thổi hiu hiu phất vạt áo, guồn sóng sông, trên đầu cồn đèn đánh cá lơ lơ trôi nổi.

Thầy Nhãn ngồi nhắm cảnh, xét việc mình. Bành Nghiệp chết đó có phải tại mình hay không? Vì ghen nên giận uống thuốc độc mà chết, hay là vì vợ muốn rảnh chun nên phục thuốc độc mà giết chồng? Hồi chiều đi về dọc đường, quan Biện Lý tỏ ý nghi Bành Nghiệp ghen nên tự vận, còn quan Thẩm Án lại nghi cô Đẳng bị chồng đánh chưởi nên cô dùng pháo chà bỏ vô cơm nước mà thuốc chồng. Hai cái lý thuyết ấy cái nào cũng có thể tin được hết, vậy mà cái nào trúng? ... Cái nào trúng mình cũng có tội hết cả. Nếu Bành Nghiệp ghen mà tự vận thì tại nơi mình, mà cô Đẳng giết chồng thì cũng tại nơi mình, bề nào mình chối cũng không được! Quan trên đối mình về đây làm chi mà sanh ra điều rắc rối như vậy? Sao bữa đầu cô Đẳng

lại nhà, mình không kháng cự hẳn hoi, để cô lân la làm chi nên bây giờ phải mang họa?

Thầy Nhãn nhớ tới tánh khí của cô Đăng. Cô là một gái tình sâu sía, tánh nóng nảy. Gặp nhau đêm chót, lúc ra về cô khóc mà nói rằng:

– Phải tính làm sao, chớ ở vào cái địa vị kỳ cục như vậy thì em chịu sao nổi.

Cô lại thường nói ở trong nhà chồng ấy là ở trong địa ngục, miễn sum hiệp thì thôi, dầu chết chém cũng không sợ, kiếp nầy tống sum hiệp phút cho xong, rồi kiếp sau ra làm sao cũng được. Thầy nhớ những lời ấy thì trong lòng thầy lạnh ngắt, cặp mắt thấy ướt dầm.

Cô Đăng vì nặng tình với mình mà phải mang tội giết chồng hay sao? Trời đất ôi! Nếu thiệt như vậy thì còn gì mà kể!

Thầy ngồi tại cầu tàu quá nửa đêm rồi thầy thủng thẳng đi về, mà về nhà thầy ngủ cũng không được.

Sáng bữa sau vô Tòa, thầy làm đơn trình với quan Biện Lý mà xin đổi về Sài Gòn, viện lẽ đau trái tim, nên cần phải về kinh thành mà uống thuốc.

Hương Quán Ngã Tư giải Trần Thêm với Thị Cải vô, thì quan Thẩm Án làm giấy giam liền, chớ không hỏi nữa. Ngài lại dạy thầy thông ngôn viết trát đòi cô Đảng ba bữa phải đến hầu.

Tối bữa đó, người nấu ăn dọn dẹp xong rồi mới xin về. Thầy Nhãn đóng cửa nằm trong nhà, đèn vắn lu lu. Cách một lát thầy nghe có tiếng gõ cửa ở phía ngoài. Thầy hỏi:

– Ai đó?

Không nghe tiếng trả lời mà lại gõ nữa.

Thấy ra mở cửa. Cô Đằng chun vô. Cô giốn giấc rồi hỏi:

– Anh nấu ăn còn ở trong nhà hay không?

Thấy lắc đầu. Cô đóng chặt cửa lại rồi tè ngồi trên một cái ghế, tay chống trán mà khóc và nói nhỏ nhỏ rằng:

– Vì em quá thương anh, em không kể chi hết nên phải phạm tội như vậy đó. Xin anh cứu giùm em.

Thấy Nhãn vừa nghe mấy lời, thì thấy la rằng:

– Ủy! Té ra em giết ...

rồi thấy đứng ngó cô Đằng trân trân, nghẹn cổ nói không được nữa.

Cô Đằng cũng không nói nữa, cô cứ ngồi khóc rấm rứt.

Thầy Nhãn ngồi dựa ngửa trên cái ghế canapé, rung rung nước mắt. Cách một hồi lâu, thầy chặt lưỡi lắc đầu mà nói rằng:

– Em có biết việc của em làm đó đại ác hay không? Hôm trước giữa đôi ta thì có chồng của em; kể từ nay giữa đôi ta lại có một cái thầy ma, làm sao mà sum hiệp với nhau cho được! Chẳng những kiếp này bị tội đại hình mà thôi, mà lại còn phải mang quả báo về kiếp sau nữa! Khốn khổ biết chừng nào!.

Cô Đẳng đứng dậy đi lại ngồi gần một bên thầy mà nói rằng:

– Xin anh thương giùm thân em. Việc em làm đó, bây giờ em biết tội lớn lắm, nên em ăn năn vô cùng. Xin anh đừng có trách em mà đau đớn thêm cho em nữa.

Thầy Nhãn lặng thinh, nước mắt chảy ròng ròng.

Cô Đăng nói tiếp rằng:

– Em là người cuồng trí, thương anh mà gần không được, tức giận mà không biết làm sao. Hôm nọ chồng em đi Sài Gòn về, chú Thêm học với nó rằng em bỏ nhà đi mất hai đêm. Nó nổi ghen rầy rà. Em cự lại với nó. Nó giận nó đánh em mấy bốp tai. Cái ghét của em nó trở ra cái oán. Em giận vô cùng, em không kể tội phước quấy phải chi nữa hết. Em lấy pháo chà trong tiệm bán đó em đâm nhỏ lén trộn trong cơm, chồng em không dè, nó ăn cơm, nên nó mới bị hại đó. Xin anh đừng lo. Việc em làm đó một mình em biết mà thôi, trong nhà không có ai thấy hết. Còn em tỏ thiệt đây là tỏ với anh, chớ em được trát Tòa đòi hầu rồi, bữa lên Tòa em cũng chối hoài, đại gì mà khai thiệt. Hôm qua chú Thêm khai rằng em bỏ nhà đi hai ba đêm. Tòa hỏi em đi đâu. Em khai rằng em đi thăm cô em đau. Em sợ Tòa đòi cô em mà gạn hỏi, nên hồi

chiều em có ghé mà dặn cô em rồi, đừng hể Tòa có hỏi thì cô em khai cho ăn rập. Vậy việc đó em xin anh đừng lo. Em nói thiệt, vì em thương anh nên em mới thành gái giết chồng. Việc đã lỡ rồi, dầu em phải bị hình phạt nặng nề đến thế nào em cũng cam tâm mà chịu một mình; em thề quyết chẳng bao giờ em cho người ta nói tới tên anh trong vụ án mạng này. Em đến đây là vì em muốn nói với anh một chuyện...

Cô Đăng nói tới đó thì cô dở vạt áo trước lên, cô mò trong túi mà lấy ra một gói bao bằng giấy nhựt trình rồi cô đưa thầy Nhân mà nói rằng:

– Xin anh làm ơn cất giùm gói bạc này cho em. Ấy là bạc trong tủ sắt, khi chồng em chết rồi, em mở tủ lấy ra giấu đó, được 13 ngàn đồng. Anh cất giùm, nếu Tòa có bắt mà giam em thì xin anh lấy một mớ trong số bạc đó mượn Trạng sư bào chữa

cho em. Nói cùng mà nghe, ví như em phải bị Tòa kêu án đày em, hoặc chém em, thì bạc còn lại bao nhiêu anh cứ lấy mà xài, chẳng cần phải để dành mà đợi em.

Thầy Nhãn co tay, né mình, rồi đứng dậy nói rằng:

– Không được. Em đã làm cho qua đồng lõa về tội sát nhơn, rồi bây giờ em còn muốn cho qua phải đồng lõa về tội cướp giết nữa hay sao?

Cô Đằng châu mày ngó thầy, rồi vói muốn níu tay áo thầy.

Thầy xô tay cô rồi bước dan ra.

Cô đứng dậy, ngó ngay thầy, mà nói rằng:

– Té ra anh hết thương em rồi! Đã hết thương mà còn oán em nữa sao?

Thầy đứng trơ trơ không trả lời.

Cô ngồi lại trên ghế, hai tay bụm mặt mà khóc. Cô than nhỏ nhỏ rằng:

– Mấy tháng nay, mỗi lần đôi ta gần nhau, em để ý dòm coi anh dường vui vẻ đan díu rồi anh lại ngơ ngẩn buồn lo, dùng như bóng trăng đang tỏ rạng một lát lại có vùng mây che án vậy. Anh ngơ ngẩn buồn lo đó là tại anh nhớ tới phận em có chồng. Vùng mây làm cho bóng trăng lu lờ đó là chồng em. Em muốn cho khỏi có vùng mây ấy nữa, em tính bỏ chồng về ở với anh, anh lại không cho. Em trở về nhà, chồng em lại nói tiếng nặng tiếng nhẹ. Em cuống trí mà làm việc độc ác, bây giờ anh thấy em, anh lại ghê gớm, em biết làm sao! Hi! Bây giờ em mới tin chắc rằng đôi ta không có như duyên với nhau. Phải, ngày trước anh nói phải lắm. Tại em không nghe lời, nên mới rắc rối như vậy.

Cô ngồi cô nói mà nước mắt chảy đầm đề.

Thầy bước lại ngồi trên cái ghế dựa vách, tay chống lên trán mà nói rằng:

– Bây giờ chẳng nên tính việc chi nữa hết. Phải lo đền tội rồi tu niệm cho dày công thì hoặc may mới chuộc tội chút đỉnh đặng chăng.

Cô đáp rằng:

– Em xin vưng lời anh, em không dám cãi nữa.

Cô lấy gói bọc bỏ vào túi, mở khăn lau nước mắt rồi đứng dậy và bước lại cửa và nói rằng:

– Em xin từ giã anh... kiếp khác sum hiệp cùng nhau”.

Cô rút chốt cửa, rồi cô dục dặc không chịu mở. Cô đứng ngẫm nghĩ rồi cô trở lại chỗ thầy ngồi mà nói rằng:

– Còn phen em đương có thai nghén đây, anh tính lẽ nào? Em nói thiệt, em có thai đó là dấu tích của anh đa!

Thầy thở dài mà đáp rằng:

– Qua có quyền gì mà can thiệp vào việc đó cho được. Em nói thì qua tin; nhưng mà dầu con của qua đi nữa, luật cũng không cho qua nhìn biết. Vậy qua xin phú thác cho em, dầu thế nào cũng phải dạy dỗ nó cho có đạo đức viên mãn đừng nó khỏi sa vào đường mê như đôi ta vậy.

Cô gác đầu nói rằng:

– Em xin vưng lời...Em sẽ hết lòng lo.

Cô nói dứt lời thì cô quày quả lại cửa mà đi tuốt.

Thầy ngó theo cô, nước mắt tuôn đầm đề.

Cách ba ngày sau, cô Đằng đến hầu quan Thẩm Án, theo như trát dạy. Quan Thẩm Án tra hỏi rồi cũng thả cô về, song Thị Cải với Trần Thêm cũng còn giam.

Quan Thẩm Án còn đương đòi hỏi tùm lùm nhiều người ở chợ Ngã Tư, thì có giấy quan trên đổi thầy thông ngôn Phan Thanh Nhân lên tòng sự Tòa Án Tây ninh.

Thầy Nhân được giấy đổi thì quan Thẩm Án làm giấy giam cô Đằng về tội phục độc được mà giết chồng.

Thầy hay tin ấy thì thầy ngán ngơ, bỏ ăn bỏ ngủ. Thầy nghĩ cô Đằng phạm tội giết chồng thì cô phải chịu hình phạt mà đền cái tội đại ác ấy, bởi vì theo lẽ Trời cũng như theo luật người, hễ có vay thì phải trả, không trốn đâu cho khỏi được. Mà cái tội ác của cô Đằng phạm đây gốc ở nơi mình mà ra.

Tuy mình không xúi cô làm như vậy, nhưng mà mình nhen nhúm bếp lửa tình trong lòng cô, mình làm cho cô cuồng tâm loạn trí, chẳng còn phân biệt tội phước dữ lành được nữa, nên cô mới dùng thuốc độc mà giết chồng. Ấy vậy tội của cô làm cũng là tội của mình, cô là cái tay làm, còn mình là cái óc khiến, bây giờ ra trả nợ oan trái ấy, há mình đành trốn lánh hay sao.

Đã biết cô tự quyết gánh vác một mình, đã biết việc mình tư tình với cô không ai hiểu thấu, nhưng mà dầu người ta không hiểu, chớ Trời Đất há không biết hay sao? Cái nợ oan trái này mình không thể trốn đâu cho khỏi, trước sau gì mình cũng phải trả phứt cho rồi, dầu bị khổ hình mà lương tâm được bình an, mình hủy cái kiếp lao đao này thì hoặc may kiếp sau mình mới được hoan lạc.

Thấy nghĩ như vậy rồi thấy nhút định

ra khai thiệt với Tòa, dầu phải chịu hình phạt gì thấy cũng cam tâm. Mà khai thiệt là khai những khoản nào? Ra trước mặt Tòa mình nhận rằng hồi nhỏ mình có ước nguyện làm vợ chồng với cô Đăng, mấy tháng nay tuy cô Đăng đã có chồng khác rồi mà mình còn tư tình với cô, sau đây Bành Nghiệp đi Sài Gòn cô Đăng có lên ở tại nhà mình hai đêm. Khai thiệt thì bất quá khai bao nhiêu đó mà thôi, chớ chuyện cô Đăng phục độc được mà giết chồng, mình không hay, mình không xúi, thì mình khai sao được. Dầu cô có đem việc ấy mà tỏ riêng cho mình biết đi nữa, ấy là vì cô nặng chữ tình với mình nên cô không nỡ giấu giếm. Bây giờ mình đành đem những lời tâm huyết của cô mà cáo cô hay sao? Chịu tội của mình thì được, mà cáo cho người khác bị tội thì không nên, mình làm như vậy thì chẳng khác nào mình rửa sạch lương tâm rồi lại làm cho lương tâm lem luốc nữa.

Thầy suy đi xét lại, cân phải giống quấy trót một đêm, rồi sáng bữa sau thầy vào phòng qua Thẩm Án mà tỏ thiệt thầy có tu tình với cô Đăng.

Quan Thẩm Án mới nghe thầy khai thì chưng hửng. Ngài hỏi một hồi rồi nghi thầy đồng lõa với cô Đăng về vụ dùng thuốc độc giết Bành Nghiệp. Hỏi về khoản đó thì thầy thể thốt rằng chẳng bao giờ thầy có xúi làm chuyện ác như vậy, mà cô Đăng có giết chồng hay không thì thầy cũng không hiểu.

Quan Thẩm Án làm giấy giam thầy Nhãn về tội tình nghi đồng lõa với cô Đăng dùng thuốc độc giết Bành Nghiệp. Ngài tra hỏi gần ba tháng mà thầy Nhãn cũng cứ khai như bữa đầu. Còn cô Đăng thì cô có tới hai vị Trạng sư bào chữa cho cô; cô cứ khai rằng cô vô tội, có lẽ chồng cô hay cô có ngoại tình nên ghen tương uống thuốc độc mà chết.

Tuy Tòa xét không có bằng cứ, mà cũng không có chứng, song bởi vì thấy Nhân chịu có tư tình với cô Đăng nên Tòa nghi mà giải hết hai người ra Tòa Đại Hình: cô Đăng về tội dùng thuốc độc mà giết chồng, còn thấy Nhân về tội đồng lõa.

Bữa Tòa Đại Hình xử, thì hai vị Trạng sư bào chữa cho cô Đăng tận tâm, viện đủ lẽ, đọc đủ luật, chịu cô Đăng có ngoại tình, song kết luận Bành Nghiệp vì ghen nên uống thuốc độc tự tử chứ không phải vợ giết.

Tòa lên án tha bổng thầy Nhân. Còn cô Đăng tuy không đủ bằng cứ cô dùng thuốc độc mà giết chồng, song hai vị Hội Đồng Thẩm Án An Nam tỏ ý nghi quyết cho cô phạm tội ấy và xin Tòa phải trừng trị mà răn ác phụ, nên Tòa kêu án cô 2 năm tù.

Cô Đăng ngồi nghe Tòa đọc án mà cô không đổi sắc, không tỏ dấu oan ức. Hai

vị Trạng sư bước lại hỏi dò coi ý cô muốn chống án về Tây đặng xin phá án hay không, thì cô bình tĩnh đáp rằng:

– Thôi, Tòa xử lẽ nào tôi cũng vưng chịu hết, dầu xử tử tôi cũng không chống án.

Mãn giờ, lính dắt cô trở xuống khám. Khi ra tới cửa Tòa, cô thấy thầy Nhãn đứng đó thì cô kêu mà nói với rằng: “Nợ trái oan kiếp này em sẽ trả xong. Em hứa chắc với anh rằng em sẽ tu niệm đặng kiếp sau đôi ta sum hiệp.

Thầy Nhãn đứng ngẩn ngơ.

CHƯƠNG 5

Xe điện ở Gò Vấp chạy ra Sài Gòn, tới nhà ga Xóm Gà, thì ngừng cho thiên hạ lên xuống. Chuyến xe này nhằm chuyến của mấy thầy đi làm việc, bởi vậy trên xe hành khách đông đảo ngồi giáp hết, không còn một chỗ trống. Mà xe vừa ngừng thì dưới ga lại có gần 20 người chen lẫn nhau giành leo lên xe nữa. Vì trong xe đã chật rồi, nên mấy người mới lên sau phải chòm nhom đứng phía ngoài chớ không có chỗ ngồi

Trong đám đứng ngoài đây có một cô thiếu nữ, tuổi chừng 20 hoặc 22, trang điểm cùng là y phục đều đáng theo kiểu kim thời.

Cô mặc một cái áo màu khôi nhang với một cái quần lụa trắng, hàng lụa tầm thường chớ chẳng chi quý nhưng mà áo may thợ nhấn eo lưng, cắt kích hẹp rồi lại thả thùng rộng cho phê tròn, còn quần thì giún lưng, lại rộng ống, nên phía trên sát sao, phía dưới đầy đặn, coi thiệt là đẹp mắt. Áo quần đã sắc xảo mà cô lại còn mang một đôi giép cao gót da màu xám, một tay ôm một cái bóp đầm với vài cuốn sách, một tay cầm cây dù cán cụt, đầu bới tóc sát ót mà không choàng khăn. Cách ăn mặc đã đẹp mà lại thêm gương mặt cô tròn, hàm răng cô khít, cặp mắt nghiêm chỉnh, nước da trong ngần, giới phấn thoa son vừa phải mà thôi, nên ai thấy cô cũng biết cô ở vào hàng mỹ nữ kim thời, nhưng mà nhờ cái nét

ngghiêm nghi tứ nhiên của cô nên không ai
đám lảng lơ hay là khinh thị.

Cô vịn cây sắt mà đứng phía ngoài, xe
chạy dục dặc làm cho cô ngã qua ngã lại,
đụng mấy người đứng gần, mỗi lần đụng
cô châu mày coi thể trong lòng cô khó chịu
lắm.

Xe tới ga Bình Hòa ngừng nữa.

Có một thầy, trạc chừng 25 tuổi tay
ôm vài cuốn sách, mặc một bộ đồ âu phục
bố trắng may cũng theo kiểu kim thời, cổ
thắt nơ đen chơn mang giày vàng, nầy giờ
ngồi trong xe liếc ngó cô nọ luôn, chừng
xe ngừng thầy đứng dậy, dõ nón chào cô
và mời cô vô ngồi chỗ của mình cho thông
thả.

Cô bị đứng một khúc đường, lúc đụng
chạm đòn ông cô lấy làm khó chịu, mà cô
lại tưởng thầy bỏ chỗ mà xuống xe, nên

nghe thầy mời thì cô mừng, cô cảm ơn thầy rồi bước vô trong mà ngồi liền. Té ra cô ngồi rồi, xe vụt chạy, cô ngó ra thì thấy thầy đứng chỗ của cô hồi nãy, chớ không phải thầy xuống xe. Cô nghĩ thầm rằng: “Thầy này biết lẽ quá. Lên xe biết nhường chỗ cho đờn bà”. Nghĩ như vậy rồi thôi, cô không để ý tới thầy nữa.

Xe ra tới ga Dakao. Cô bước ra mà xuống. Đi ngang qua thầy, cô cúi đầu tỏ ý cảm ơn nữa. Thầy cũng dờ nón chào cô, mà lần này chào, miệng thầy lại chúm chím cười, mặt thầy coi hớn hở.

Cô này là ai?

Thầy này là ai?

Nên nói phút cho rồi, đặt độ giả khỏi nhọc lòng tìm kiếm.

Cô tên là Phan Thị Cúc Hương, năm nay cô đã được 22 tuổi rồi, mà chưa có chồng.

Cô học tại trường Nữ Học Đường Sài Gòn, cách hai năm trước cô thi đậu Diplôme về Brevet Elémentaire một lượt, mà đến năm nay cô mới được cấp bằng làm Nữ Giáo sư tại trường con gái Dakao. Cô không có mẹ, thuở nay ở với cha là ông Phán Phan Thanh Nhãn. ông này hồi trước làm thông ngôn Tòa Án, lần lần lên tới chức Thông Phán, vì con được cấp bằng Nữ Giáo viên tại trường Dakao, nên ông xin hưu trí mà dưỡng lão; ông mới mua một cái nhà ngói nhỏ ba căn tại đường Cây Quéo, gần ga Xóm Gà, đặt cha con ở với nhau, con đi dạy học, cha trồng bông sửa kiếng, lánh xa thế tục, vui thú cầm thi.

Còn thầy tên là Bành Thanh Khải, năm nay thầy được 25 tuổi, mà cũng chưa có vợ. Thầy mồ côi cha từ khi mới lọt lòng, từ nhỏ chí lớn thầy ở với mẹ là Lý Thị Đăng. Bà này hồi trước ở tại châu thành Nam Vang, chuyên nghề trũ mà bán: tiêu, đường, khô

tra; đậu khấu, gần 20 năm nhờ buôn may bán đắt, nên bà gây dựng một cái gia tài trên mười muôn đồng bạc. Vì bà đã trọng tuổi rồi mà con lại nài nỉ nói học chữ Pháp đủ dùng và xin học chữ Ăng-Lê đăng ngày sau tiện bề buôn bán, nên cách ba năm nay bà bán hết nhà cửa phố xá trên Nam Vang, tom góp tiền bạc dắt con trở về Nam kỳ, kiếm mua một miếng đất gần chợ Gò Vấp rồi cất một cái nhà, mẹ con ở với nhau, con thì mỗi buổi sớm mai ra Sài Gòn học chữ Ăng-Lê, còn mẹ thì hằng ngày ở nhà lo niệm Phật, không chơi bời, không giao thiệp với ai hết.

Buổi sớm mơi nầy, Thanh Khải cần dùng mua đồ Sài Gòn phải đi trước vài chuyến xe, nên mới gặp cô Cúc Hương đi dạy học đó.

Cách ít bữa sau, hai người gặp nhau trên xe điện nữa. Thấy chào cô, cô đáp lễ,

rồi ai ngồi chỗ nấy, không nói với nhau một tiếng chi hết. Vì cô tới chỗ trước, nên xe ngừng thì cô đứng dậy cúi đầu từ giã thầy. Thầy dở nón đáp lễ, rồi cô xuống xe, hai người chỉ lấy cặp mắt mà chào hỏi nhau vậy thôi.

Mỗi bữa, trước 7 giờ rưỡi sớm mơi và 2 giờ rưỡi chiều cô phải có mặt tại nhà trường, nên cô đi xe đúng giờ cho khỏi trễ nải. Còn thầy thì 8 giờ rưỡi sớm mơi thầy mới khởi học, nhưng mà từ khi gặp cô rồi thì thầy lại hay đi trước giờ. Vì vậy nên thầy gặp cô thường thường hoài, mà lần nào gặp thì cũng chào nhau rồi thôi, chớ không ai nói tới ai.

Một bữa nọ trời mưa dầm dề, Cô Cúc Hương đứng trong nhà ga Xóm Gà mà chờ xe. Chừng xe tới cô phải che dù mà lên xe, song giọt mưa cũng nhều ướt vạt áo cô vài chỗ.

Thầy Thanh Khải ngồi trong xe dòm thấy cô leo lên thì lộ sắc mừng. Chùng cô bước vô thì thầy đứng dậy chào cô rồi chỉ chỗ trống ngay trước mặt thầy và mời cô ngồi. Cô ngồi yên rồi, cô lấy khăn mu soa trong bóp ra mà lau vạt áo, theo mấy chỗ mưa ướt. Cô và lau và ngó thầy mà cười và nói rằng:

– Trời mưa dữ quá.

Thầy nghe cô nói mấy tiếng thì thầy mừng khắp khởi, muốn thừa dịp ấy mà nói chuyện với cô, song thầy bối rối kiếm không ra chuyện, túng quá thầy nói rằng:

– Trời mưa hoài, hồi nãy ở Gò Vấp tôi ra ga, có áo mưa mà cũng không khỏi ướt.

Thầy nói có bao nhiêu đó mà thôi. Chùng xe ra tới ga Bà Chiểu thầy mới kiếm được một câu mà hỏi rằng:

– Cô có việc chi ngoài Dakao mà hôm nay tôi gặp cô đi thường như vậy?

– Em đi dạy học.

Thầy kiểm không ra chuyện nữa, nên ngồi lặng thinh cho tới xe ra Dakao cô từ già leo xuống, thầy chong mắt ngó theo, sắc mặt buồn hiu.

Ngày ấy thầy lấy làm tức thắm trong lòng, đã có dịp được ngồi gần cô, đã có dịp cô khởi đầu mà nói chuyện, mà vì cơ nào mình lại lính quính không dám mở miệng, kiểm không ra lời. Ví như mình hỏi nhà cô ở đâu, cô có chồng hay chưa, hoặc cô tên gì, con của ai, hỏi những câu như vậy có ý nghĩa vô lễ chỗ nào đâu, mà sợ nên không dám hỏi.

Thầy tức giận cái thói nhút nhát vô lý, nên thầy quyết định hễ gặp cô nữa thì thầy sẽ hỏi những điều ấy không sợ chi nữa hết,

Tính một mình thì hăm hở như vậy, mà bữa sau gặp cô, thì y như bị nghẹn trong lòng, ngồi một hồi rất lâu rồi mới hỏi rằng:

– Nhà cô ở gần ga Xóm Gà phải hôn?

Cô nghe hỏi, thì cô nghiêm nét mặt mà ngó ngay thầy mà đáp rằng:

– Thưa, em ở trong đường Cây Quéo.

Hỏi một câu, trả lời cũng một câu mà thôi, không nói chuyện chi nữa hết.

Thầy càng thêm tức giận, về nhà ăn cơm không được, trong trí cứ tính hoài, coi phải làm cách nàoặng biết nhà cô, biết tên cô và biết gia đạo của cô. Thầy suy nghĩ đến 4 giờ chiều rồi thay đồ nói với người nhà rằng thầy đi chơi. Thầy mua một cát giấy xe điện mà đi xóm Gà.

Chiều bữa ấy trời thanh bạch mát mẻ. Xe tới Xóm Gà, thầy leo xuống rồi thủng

thẳng đi lại ngã tư vô Cây Quéo, đứng ngó mông.

Thầy muốn đi vô đường ấyặng tìm nhà cô mà rồi thầy nghĩ mình chưa biết tên cô thì làm sao hỏi thăm nhà cho được.

Thầy dự dự nên đi thơ thần qua lại trước nhà ga. Thầy tính đợi cô đi dạy học về thầy sẽ nom theo coi cô vô nhà nào rồi sẽ lập thế mà hỏi thăm lai lịch.

Gần 5 giờ rưỡi, thầy liệu cô sẽ về, nên thầy dang ra xa nhà ga một khúc đặng đứng chờ cho cô khỏi ngó thấy.

Thiệt quả chuyến xe ngoài Sài Gòn vô vừa ngừng, cô Cúc Hương trên xe bước xuống rồi xam xam đi lại ngã tư mà quẹo vô đường Cây Quéo.

Thầy Thanh Khải dòm thấy, nên thùng thẳng đi theo xa xa.

Bữa nay cô mặc một bộ đồ lụa trắng mới tinh, tay ôm bóp, tay xách dù, bước dệu dàng, tướng đi yếu điệu, ánh mặt trời gội cô, làm cho sắc của cô càng thêm đẹp hơn nữa. Chẳng hiểu cô có hay người ta đi theo cô hay không, mà cô cứ đi tự nhiên, không day lại mà ngó phía sau lưng.

Thầy thấy cô đi gần tới ngã ba Quán Tám rồi quẹo vô cửa ngõ một cái nhà bên phía tay mặt, Thầy ngừng lại chờ cô vô nhà rồi thầy thủng thẳng đi ngang qua, mắt liếc coi nhà cửa thế nào.

Thầy thấy một cái nhà ngói ba căn vách ván, nhà còn mới, tuy nhỏ mà nhờ nền cao, nên coi vẻ vang mát mẻ lắm. Trước nhà có một cái sân, giữa sân có xây một hòn non nhỏ, chừng quanh có liếp trồng toàn những huệ, ngải, cẩm nhung, hường tây, bông đương đưa nở, chỗ đỏ chỗ trắng, coi đẹp mắt vô cùng. Dọc theo hàng ba nhà,

lại có để một hàng kiếng, cây sửa điệu xuy phong, cây sửa điệu chiếu thủy, làm cho người đi đường ngó vô, ai cũng biết cái nhà này là nhà của một đứng phong lưu nhơn vật.

Thanh Khải đi qua khỏi rồi thì trong lòng khắp khởi, mừng được biết chỗ ở của người mình ái mộ mấy tuần nay. Mà biết chỗ ở cũng chưa đủ, còn phải biết lai lịch của người nữa mới được.

Thầy đương thơ thần, bỗng thấy một người đồn ông đang xách nước giếng lên mà tưới rau cải trồng trước sân. Vì cái sân này chạy luôn ra lề đường lại không có rào giậu chi hết, nên thầy đứng lại mà ngó rồi nói với người tưới nước ấy rằng:

- Rau anh trồng tốt quá há.
- Tháng này còn mưa, nên không mấy tốt. Chừng nắng đây rau mới tốt nữa.

– Tại sao tháng nắng mới tốt?

.....

– Sao anh không trồng bông như người ta lại trồng rau?

– Người ta giàu có, họ trồng họ chơi. Tôi nghèo tôi phải lo trồng rau cải mà bán chớ trồng bông không có lợi.

– Trồng bông bán cũngặng tiền lắm chớ.

– Trồng cho nhiều kìa, chớ đất ít trồng sao cho đủ bán.

– Có nhà đảng kia trồng bông coi tốt quá.

– Nhà nào ở đâu?

– Nhà có hòn non đó, không biết nhà của ai?

– Ờ ờ! Nhà ông Phán đa.

– Ông Phán nào đó? Anh biết tên hôn?

– Sao lại không biết, ông Phán Nhân đa. Ông phong lưu quá, tối ngày ông ở nhà cứ lo săn sóc mấy liếp bông với mấy chậu kiểng, ai mà bì kịp ông.

– Ông không làm việc hay sao?

– Ông già, ông hưu trí rồi. Bây giờ ông ở nhà lãnh tiền hưu trí, ông xài không hết, mà lại đưa con gái làm cô giáo dạy trường Dakao nữa, ông khỏe lắm mà.

– Chà! Có con làm cô giáo nữa?

– Chớ sao. Cô Cúc Hương đó. Cổ học giỏi lắm. Con gái mà ăn lương một tháng tới năm sáu chục.

– Chưa có chồng hay sao mà anh kêu người ta bằng con gái.

– Chồng con đâu có. Ở nhà có hai cha con với một tên bồi và một chị nấu ăn.

– Còn bà Phán đâu?

– Không có. Ông Phán mua đất cát mà ở đây hơn một năm nay thì tôi thấy ông ở với con gái ông đó thôi chứ không có vợ.

– Ông vui vẻ tử tế hôn?

– Tử tế lắm mai thầy ghé đó coi bông chơi, ông mừng lắm.

– Không có quen mà tới chơi sao được?

– Có sao đâu mà sợ. Tội tôi nghèo hèn mà tới chơi ông còn niềm nở hết sức, huống chi là thầy.

– Nếu vậy để bữa nào tôi ghé xin phép ông để coi bông coi kiểng chơi.

– Được mà.

Thanh Khải từ già người trồng rau ấy mà đi, trong lòng rất mừng, vì tình cờ mà được biết hết những điều mình muốn biết.

Thầy trở lộn về, chùng đi ngang qua nhà cô Cúc Hương vô hồi nãy, thì thầy thấy có một người trên 50 tuổi, mình mặc đồ mát, tóc râu bạc hoa râm, đương xắn quần trước sân mà xem bông. Thầy định chắc người ấy là ông Phán Nhân, thầy đi thúng thủng mà ngó ông, thì thiệt quả người tướng mạo ôn hòa, sắc mặt đạo đức đáng kính đáng mến.

Từ nhỏ chí lớn Thanh Khải ở với mẹ thì mẹ thường giảng dạy những lý thuyết: “Ái tình là một lò để đốt lòng người, hễ mang lấy lò lửa ấy vào mình thì cuồng trí loạn tâm, rồi dẫu giết người cũng không gớm tay, tự sát cũng không tiếc mạng. Còn vợ chồng thì phải có nhơn duyên, nếu không có nhơn duyên mà mình cưỡng cầu, thì dẫu ở một bên nhau cũng không hội hiệp được. Ấy vậy làm người phải gìn giữ, chẳng nên để ái tình buộc vào mình, còn vợ chồng thì phải để cho Phật Trời khiến định, chẳng nên bôn chôn hốt tốc mà trái nhơn duyên”.

Thanh Khải nghe những lý thuyết như vậy đã nhàm tai, mà lại vì thương yêu kính trọng mẹ, nên coi lời của mẹ cũng như lời Thần Thánh dạy. Thuở nay hề thấy con gái thì thầy nhớ lời mẹ dặn, nên kiên dè, chẳng hề để ái tình thấm vào lòng. Còn việc cưới vợ thì thầy phú thác cho Phật Trời, chờ coi Phật Trời định nhơn duyên nơi nào rồi thầy sẽ liệu.

Tánh chất của thầy như vậy, mà chẳng hiểu vì có nào từ ngày thầy gặp cô Cúc Hương thì trong lòng thầy khoan khoái, trong trí thầy mơ màng, ngày như đêm, thầy cứ thấy hình dạng cô chàng ràng trước mặt thầy hoài; mấy phút đồng hồ gần cô trên xe thì thầy khoái lạc hơn hờ cũng như ở trong động tiên, còn hề vắng mặt cô rồi thì thầy dật dờ buồn bực cũng như ở trong cửa hắc ám. Nay thầy được biết cô là gái chưa chồng, cha của cô là ông Phán Nhãn

hưu trí, nhà ở đường Cây Quéo, thì thầy lại càng khoan khoái hơn nữa. Thầy không cho sự thầy thương nhớ cô Cúc Hương đó là tại dây ái tình buộc vào lòng thầy, mà thầy lại tin chắc rằng thầy với cô có như duyên với nhau, nên Phật Trời mới khiến xui gặp gỡ.

Tánh thầy thuở nay nhút nhát bao nhiêu thì bây giờ lại quả quyết bấy nhiêu. Thầy nhút định phải hỏi cô Cúc Hương coi cô có đành kết tóc trăm năm với thầy hay không. Nếu cô đành, thì thầy sẽ thưa với mẹ đặt cật mai như nói mà cưới cô.

Thanh Khải quyết định như vậy rồi thì trong trí thầy bớt buồn rầu, bớt thương nhớ cô Cúc Hương. Thầy hờn hờ mà tính tổ chức bữa ăn ở của thầy với cô sau khi phối hiệp. Chẳng những là thầy tính không cho cô đi dạy học cực nhọc nữa, mà thầy lại còn tính hễ gần đám cưới thì thầy sẽ xin phép

mẹ mà mua một cái xe hơi tốt, kiểu kim thời, đăng vợ chồng đi chơi.

Thầy hưởng sự ngiệp của cha để lại được 50 mẫu ruộng tốt trong tỉnh Vĩnh long; còn mẹ của thầy thì có bạc gởi băng trên 10 muôn, mà mẹ cứ tụng kinh niệm Phật không ăn xài chi hết, tự nhiên số bạc ấy ngày sau cũng về phần thầy hưởng nữa. Thầy đủ sức mà làm cho cô hưởng hạnh phúc trọn đời, sau sanh con thì thầy sẽ lo cho con ăn học trở nên người đứng đắn.

Cái tiền trình thầy vẽ sơ mà coi đẹp đẽ vô cùng.

CHƯƠNG 6

Thanh Khải muốn gặp cô Cúc Hương mà gặp cho nhiều giờ và gặp chỗ nào yên tĩnh đừng thấy tỏ tâm sự với cô. Ở nhà thì cô có cha, làm sao tới mà nói chuyện cho được. Giờ cô đi dạy học thì thiên hạ cũng đi làm việc, trên xe điện đông dầy dầy, không dễ gì mà nói chuyện tình. Duy có cái giờ cô đi về trong trí cô an ổn, trên xe trống trải, vì giờ ấy những người làm việc ngoài Sài Gòn họ chưa về, nên có lẽ nói chuyện được.

Thầy nghĩ như vậy rồi một buổi sớm mai, thầy ra Sài Gòn học chữ Ăng-Lê, thầy lựa chuyến xe điện vô tới Dakao sau khi tan học một lát, thầy mới mua giấy mà về. Thiệt chuyến xe ấy hành khách rải rác năm bảy người mà thôi. Xe vô tới Dakao thì cô Cúc Hương leo lên.

Vì ái tình mạnh quá, nó trừ cái bệnh nhút nhát của thầy được, nên chuyến xe này gặp cô thì thầy hăng hái, mời cô ngồi trước mặt thầy, rồi thầy nói rằng:

– Tôi biết nhà cô rồi, tôi biết ông Phán là ông thân của cô nữa.

Cô Cúc Hương chưng hửng, cô ngó ngay thầy mà hỏi rằng:

– Thầy tới nhà em hồi nào? Sao em không hay?

– Tôi không có vô. Tôi đi ngang qua đường Cây Quéo, tình cờ tôi thấy cô và

thấy ông Phán đương ở trong nhà, nên tôi mới biết chớ.

– Thầy không vô sao thầy biết ba của em làm ông Phán?

– Cần gì phải vô nhà mới biết. Mình có tình mình hỏi thăm, mình cũng biết được như vậy chớ.

Cúc Hương nghe nói hai tiếng “có tình” thì cô châu mày.

Thanh Khải bị lửa ái tình đốt quá, thầy không dè dặt, thầy nói tiếp rằng:

– Tôi lại biết tới cô chưa có chồng nữa a, Phải như vậy hay không?

Cúc Hương day mặt ngó ra cửa sổ, không trả lời.

Xe vô tới Bà Chiểu ngừng lại, người xét giấy đi ngang trong xe mà nói rằng:

– Chắc phải đậu ở đây mau lắm cũng là nửa giờ đồng hồ, bởi vì có tin cho hay hai cái xe hơi đụng nhau phía trong nhà việc Bình Hòa, Ngã Năm bít đường rầy xe điện chạy không được. Phải chờ cò bót ăng kết, rồi kéo hai cái xe hơi cho trống, thì chạy mới được.

Hành khách trên xe nghe nói như vậy thì lao nhao lỗ nhố, nhiều người leo xuống thả đi uống nước, có người nóng nảy không chịu chờ, lại mượn xe “thổ mộ” mà đi.

Trên xe chỉ còn có một bà già ngồi đầu trong với Thanh Khải và Cúc Hương ngồi đầu ngoài mà thôi. Ấy là một dịp rất may cho Thanh Khải tỏ bày tâm sự. Thấy bèn thừa cái dịp ấy mà nói đại với cô rằng:

– Cô hiểu tại sao mà tôi tìm nhà cô và tôi lập thế mà biết cô chưa có chồng hay không?

Cô Cúc Hương lắc đầu.

Thấy dự dự một hồi rồi nói tiếp nhỏ nhỏ rằng:

– Ấy là vì từ ngày tôi gặp cô một lần đầu, ai xui khiến không biết, mà về nhà tôi hoài vọng cô hoài. Hơn một tháng nay, bữa nào tôi gặp cô thì trong lòng tôi vui, còn bữa nào không gặp nhau thì tôi buồn bực, ăn ngủ không được. Cách mấy bữa rày tôi lên đón mà đi theo cô coi cô về nhà nào, Nhờ làm như vậy tôi mới biết nhà cô và nhờ tôi hỏi thăm tôi mới biết gốc tích cô. Tôi hay cô chưa có chồng thì tôi mừng hết sức. Theo lẽ nghĩa, nếu tôi muốn kết tóc trăm năm với cô, thì tôi phải cậy mai nhưn đem trầu rượu đến nói với ông mà xin cưới, chớ đón cô dọc đường dọc sá mà tỏ tình như vậy thì vô phép lắm. Nhưng nghĩ vì hiện bây giờ phụ nữ đã tấn bộ, thời đại này là thời đại tự do hôn nhân. Vậy nên tôi

muốn dọ trước coi ví như tôi cậy mai nhơn đến nói mà cô đành hay không, rồi tôi mới dám bước tới.

Cô Cúc Hương chúm chím cười mà đáp rằng:

– Hôn nhơn là một việc quan hệ lắm. Thầy nói như chuyện chơi vậy sao được.

– Tôi nói thiệt chớ nào phải nói chơi đâu.

– Phàm muốn kết vợ chồng, trước phải biết nhau, biết gốc tích, biết tánh tình rồi còn phải chắc trai với gái tâm đầu ý hiệp, phải chắc thương yêu mến trọng nhau rồi mới tính việc trăm năm được. Thầy mới gặp em trên xe điện có mấy lần, dầu thầy dọ biết nhà em chớ thầy chưa rõ tâm ý em, chưa rõ lai lịch em, mà thầy nói việc hôn nhơn, thì em e thầy vội quá. Huống chi em mới biết mặt thầy, chớ em chưa hiểu thầy

là ai tên gì, nhà ở đâu, mà thầy hỏi ví như thầy cây mai đến nói, em ưng hay không? Em xin lỗi thầy, thiệt câu hỏi đó em không thể trả lời được.

– Cô nói phải lắm. Tôi có vội một chút. Mà tôi xin cô xét lại giùm, vì tôi quá thương cô nên tôi mới vội như vậy đó.

– Tại sao mà thầy thương em?

– Không biết tại sao mà mới gặp cô lần đầu, thì trong lòng tôi bắt thương cô liền.

– Em xin lỗi thầy, theo ý em tưởng, thì cái thương như vậy đó chưa đủ tánh chất mà kết hôn hơn được.

– Tại sao vậy? Chớ phải thương cách nào?

– Cái thương mà có đủ tánh chất cho mình kết hôn hơn là thương trầm tĩnh, biết nhau lâu ngày, lần lần trọng đức, mến ý, yêu

nết, rồi mới thương kia, thì cái thương ấy mới lâu dài, dầu trăm năm cũng không phai, không lợt. Chớ thấy mới gặp em, thấy thương liền, rồi thấy nói mà cười em. Trong một vài tháng sau, thấy thấy tánh em không hiệp với tánh ý thấy, hoặc thấy gặp một cô khác hình vóc ngộ hơn em, rồi thấy phát tâm thương nữa, đường ấy hôn như là một việc rất tốt mà tự nhiên nó thành ra một cái hại lớn, hại luôn cả và hai người hoặc trọn đời không biết hạnh phúc là gì, hoặc phải rời rã chia lìa, mang như mang nhục.

Thanh Khải nghe mấy lời của cô thì thở dài, ngồi ngẫm nghĩ một hồi rồi nói rằng:

– Có lẽ tôi với cô có duyên nợ sao đó, nên tôi thấy cô tôi mới đem lòng thương. Chớ từ nhỏ tới giờ tôi chưa biết thương một con gái nào. Theo như lời cô nói đó thì tôi hiểu cô không thương tôi chút nào hết!

Cúc Hương cười mà đáp rằng:

– Thầy nói phải lắm. Em thương thầy sao được. Phận em là gái, em phải dè dặt, nhút là gái sanh nhằm đời nầy là đời gian trá xảo quyệt, nếu gặp ai thương nấy, nếu nghe ai nói cũng tin hết, thì danh giá của em còn gì mà kể.

Thanh Khải ngồi buồn hiu, không còn tiếng chi mà nói nữa.

Thình lình trong ga có tiếng tu hít thổi, hành khách rùng rùng leo lên xe rồi xe rút chạy.

Thanh Khải bộ càng buồn bức hơn nữa. Cúc Hương tuy vậy có lẽ cô động lòng nên cô nói rằng:

– Em xin thầy đừng phiền em. Vì bởi thầy cho em là gái tân thời, thầy lấy thiệt tình mà tỏ tâm sự cho em nghe, nên em phải lấy thiệt tình mà đối đãi lại với thầy.

Xin thầy về xét lại coi những lời em nói với thầy đó phải hay là quấy.

Thanh Khải gặc đầu đáp rằng:

– Cô nói phải lắm chớ. Cô có biết tôi là ai đâu. Còn tình tôi thương cô thì cô cũng không biết thiệt hay là giả, thế thì cô làm sao mà thương tôi được, vậy tôi xin cho cô biết tôi tên là Bành Thanh Khải, năm nay 25 tuổi, nhà tôi ở Gò Vấp, ở theo đường qua An Nhơn. Cha tôi hồi trước là Khách trú, còn mẹ tôi là An Nam, song hồi tôi lọt lòng thì cha tôi đã chết, nên thuở nay tôi ở với mẹ tôi. Cha tôi có để lại cho tôi được 50 mẫu ruộng, còn mẹ tôi bây giờ có vốn trức 10 muôn. Tôi học chữ Tây đã đủ dùng, bây giờ tôi được học tiếng Ăng-Lê đặng đủ tư cách ngày sau buôn bán. Gốc gác và địa vị của tôi như vậy đó. Thiệt tôi không phải thuộc về hạng sang giàu, song tôi hứa chắc, tôi sẽ làm sao cô được sung sướng, được

yêu mến trọn đời. Nếu cô chê thì tôi nhứt định trọn đời tôi không thêm cưới vợ.

Cúc Hương cười rồi ngó lơ ra cửa sổ, không trả lời.

Xe tới ga Xóm Gà, cô đứng đây, cúi đầu từ giã thầy mà leo xuống rồi đi tuốt, không ngó lại, Thanh Khải ngồi trên xe dòm theo, mặt mày buồn xo. Xe vô tới Gò Vấp, thầy leo xuống rồi thủng thẳng đi bộ mà về nhà, tưởng đi dật dờ tâm thần bất định.

Đường Gò Vấp qua An Nhơn, ra khỏi chợ chừng 100 thước, bên phía tay mặt có một cuộc ở rộng rãi, cao ráo, sạch sẽ, đẹp đẽ, ai đi ngang cũng phải trầm trồ. Một miếng đất chừng nửa mẫu mặt tiền dựa đường, dài lối 50 thước, bề vô chừng 100 thước. Bề dọc theo lộ thì gần hàng rào chữ thọ đúc bằng sạn, còn ba phía kia thì xây tường giáp hết, tường bề cao chừng 2 thước rưỡi.

Chính giữa có làm một cái cửa ngõ lớn, cánh bằng sắt bông gắn vào cây cột gạch vuông, trên đầu cột có cạm lồng đèn lục giác. Chừa cái sân bề vô chừng 30 thước rồi cất một cái nhà ngói nền đúc vách tường, nhà cất theo kiểu kim thời, một căn hai chái, nên tuy không nguy nga đồ sộ song có vẻ thanh tao ngộ nghĩnh phi thường. Trong sân chính giữa thì xây bồn trồng bông, còn hai bên thì trồng mía, nhãn, bưởi, cam, nhưng vì cây mới trồng vài năm, nên mới lên vừa khỏi đầu. Hai bên chái nhà thì lập vườn trầu phơi lá vàng khè coi tươi tốt lắm. Phía sau nhà bếp, đất dốc chỗ cao chỗ thấp thì xẻ liếp trồng cau lộn với thơm tàn ong.

Cuộc ở xinh đẹp này là cuộc của mẹ con Bành Thanh Khải.

Thanh Khải về tới nhà mở cửa ngõ bước vô sân. Bông đua nở khoe đủ màu sắc, cây sum sê phơi lá nẩy chồi; cảnh vật tươi cười

như chào chủ, tiếc vì Thanh Khải tình không phỉ ý đương buồn, nên ngó bông hoa đã không vui mà lại còn thẹn. Thấy lắm lần bước riết lên thêm mà vô nhà.

Trong nhà, căn giữa, có đặt một cái bàn thờ Phật Quan Âm. Trên bàn thờ có chuông, có mõ, có chưng bông sen, bông huệ, lại đèn nhang đốt huy hoàng, khi Thanh Khải bước vô, thì mẹ là Lý Thị Đăng, đầu trọc lóc, mình mặc áo rộng nhuộm dà, đương quỳ lạy trước bàn Phật. Thấy nhón gót bước nhẹ nhẹ, đi thẳng vô buồng thay quần áo, rồi lên giường mà nằm.

Vả Thị Đăng thì ăn chay trường, còn Thanh Khải thì ăn mặn, nên mẹ con không bao giờ ăn cơm chung. Người trong nhà thấy Thanh Khải về bèn lật đặt dọn cơm. Thấy nói không đói và biểu bụng dẹp. Lúc người sửa soạn bụng mâm cơm xuống bếp thì Thị Đăng lạy Phật rồi bà bước vô. Bà

thấy mâm cơm còn y nguyên, bà tưởng con đã ăn cơm ngoài Sài Gòn rồi nên bà không gạn hỏi duyên cớ làm sao mà con không ăn.

Té ra Thanh Khải nằm dầu dầu trong phòng cho đến chiều. Chừng dọn bữa cơm chiều thấy gượng ra ngồi ăn, nhưng mà trí thấy lững đững lơ lơ, ăn không biết ngon, ráng ăn cho hết chén cơm rồi buông đũa.

Thị Đàng liếc mắt dòm coi, thấy khí sắc của con buồn thảm khác thường, thì bà lấy làm lạ, song không hỏi. Đến tối bà tụng kinh niệm Phật rồi, bà thấy con thơ thẩn đi ngoài sân, bà bèn bước ra ngồi tại cái băng để bên thềm rồi bà kêu con lại biểu ngồi một bên mà hỏi rằng:

– Con đi học, có việc chi trắc trở lắm sao, mà ngày nay má thấy con buồn bức lắm vậy? Con hãy nói cho má nghe thử coi?

Thanh Khải ngồi lặng thinh không trả lời.

Thị Đằng suy nghĩ một hồi rồi nói rằng:

– Má sanh có một mình con, má coi con như vàng như ngọc. Má cạo đầu ăn chay, lánh xa trần tục, ngày đêm cứ tụng kinh niệm Phật, ấy là má muốn cầu cho tiêu diệt các điều tội lỗi má làm trong kiếp này và cầu cho con được phước đức trọn đời, nhứt là khỏi dây oan trái, nghĩa là khỏi cái nợ của cha mẹ vay, con cháu phải trả. Má thương con như vậy, chẳng những má lo cho con no ấm mà thôi, mà má còn lo về cái âm đức của con nữa. Sao con không tin má, con có việc buồn rầu, con không nói cho má biết, đặng má cầu nguyện cho con.

Thanh Khải thở ra mà đáp rằng:

– Việc con buồn, khó mà nói ra cho được.

– Ở đời có việc chi buồn mà không nói ra được đâu. Con buồn là vì con uất trong lòng. Hễ uất thì phải tỏ cho má biết, đừng má khuyên bảo cho chớ.

– Con nói thiệt với má, con buồn đây là buồn vì tình. Có một cô con thương yêu hết sức, mà coi bộ cô không thương con.

– Trời Phật ôi!...

Thị Đằng la Trời rồi day qua nhìn con trân trân. Yếng trắng (ánh trắng.) giọng vào mặt Thanh Khải làm cho bà thấy rõ ràng hai hàng nước mắt chảy ròng ròng.

Thị Đằng ngó con rồi cũng rưng rưng nước mắt, chặt lưỡi lắc đầu mà nói rằng:

– Rõ ràng là dây oan. Cha mẹ trước vì ái tình mà mang tội lỗi, nay con phải đau đớn vì ái tình mà trả nợ tiền khiên! Lưới Trời phủ vây không thể lọt khỏi ... Má thường khuyên dạy con: Ái tình là một lò lửa để

đốt lòng người, hễ mang lấy lò lửa ấy vào mình thì cuồng trí loạn tâm, rồi dầu giết người cũng không gớm tay, dầu tự sát cũng không tiếc mạng. Sao con không xa lánh cái lò lửa hiểm nghèo ấy, lại mang lấy vào mình làm chi.

– Thuở nay con nghe lời má, nên con tránh khỏi luôn luôn. Thành linh dây ái tình lần lần buộc chặt lòng con một ngày thêm một chút, con không dè. Chùng con biết thì đã trễ rồi, không thể gỡ được. Mà con thương cô nọ, con nghĩ chắc không phải là ái tình tầm thường. Ấy là cái nhơn duyên của con đó a má.

– Nhơn duyên! Sao con biết là nhơn duyên?

– Vì thuở nay con thấy sắc chẳng bao giờ con động tâm. Mà nay con gặp cô nầy mới một lần đầu thì trong lòng con đã khó chịu, rồi lần lần bắt thương nhớ ăn ngủ

không được. Vì vậy nên con tưởng con với cô đó có nhơn duyên gì nên Phật Trời mới khiến như vậy chớ.

– Việc đời má thấy nhiều hơn con. Má đã thấy rõ ràng có khi trai với gái đều thương yêu nhau, thề nguyên cùng nhau, quyết kết tóc trăm năm với nhau, tưởng là nhơn duyên Trời định, té ra không phải nhơn duyên, nên gần hiệp mà rồi phải tan, lại tan một cách đau đớn, làm cho trọn đời phải khổ não. Con nói con thương cô nào đó mà coi bộ cô ấy không thương con, thế thì có phải là nhơn duyên đâu mà con sầu thảm. Má khuyên con đừng thèm tưởng tới người đó nữa, Người ta không nghĩ đến con, tức thị người ta chê con, như vậy mà con thương nỗi gì.

Thanh Khải ngồi im lìm một hồi lâu rồi thở dài mà nói rằng:

– Có lẽ má nói phải. Sợ cô ấy không phải

là nhơn duyên của con. Mà con lỡ thương cô rồi, hình dạng của cô đã chạm vào trong óc con, ngày đêm ăn hay là nằm ngồi gì con cũng thấy cô ở trước mặt con luôn luôn, con quên cô sao được... có lẽ con phải chết thì hoặc may mới hết thương...

Thị Đằng lắc đầu nói lẩm thảm rằng :
“Phải lẩm rồi! Quả báo nhãn tiền!”

Bà ngồi ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi con rằng:

– Cô nào ở đâu mà làm cho con đến nỗi cuồng trí loạn tâm như vậy? Con có thể chỉ cho má biết được hay không?

– Cô đó lạ, má không biết đâu.

– Cô tên gì, con của ai ở đâu?

– Cô đó tên là Phan Thị Cúc Hương. Cô làm giáo sư dạy trường con gái, ngoài Dakao, mà nhà cô ở Xóm Gà. Con hỏi

thăm thì người ta nói cô là con của ông Phán Nhãn.

Thị Đằng biến sắc, giựt mình, ngồi lập lại rằng:

– Cô họ Phan ... Cha tên Nhãn ... Ủy! Cha chả! Nếu mà phải như vậy thì còn rồi hơn nữa!

Bà day qua mà hỏi rằng:

– Cô ấy mấy tuổi, con biết hôn?

– Con không có hỏi, song con chắc cô chừng 20 tuổi, mà có lớn lắm là 22 tuổi, chớ không lớn nữa.

– Cô họ Phan?

– Thưa, phải.

– Cha cô tên Nhãn?

– Thưa, phải. Ông Phán Nhãn hồi trước làm việc Tòa, bây giờ hưu trí mua nhà ở

Xóm Gà. Ông không có vợ, ở một mình với con.

Thị Đằng nghe rõ bà vùng đứng dậy, la hai tiếng: “Trời ôi!” rồi bà té xỉu trên cái băng.

Thanh Khải lật đật đỡ mẹ mà dắt vô nhà.

Thị Đằng thở dốc mà miệng cứ niệm: “Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật”. Chùng Thanh Khải đỡ bà nằm trên bộ ván rồi, bà mở mắt trao tráo mà nói rằng:

– Cầu nguyện hơn hai mươi năm trường mà tội ác cũng chưa tiêu diệt, nghiệp chướng vẫn còn mang, ác nhơn lại hiện ác quả! Biết làm sao bây giờ?

Thanh Khải ngồi bên mẹ, hai tay nắm chặt tay mẹ, và khóc và nói rằng:

– Vì con mà mẹ phải đau đớn như vậy, thiệt tội của con lớn lắm.

Thị Đằng lồm cồm ngồi dậy ngó con sừng sốt mà nói rằng:

– Con làm cho má đau đớn đây, tội cũng chưa mấy lớn. Con mà cười cô con thương đó, tội mới lớn bằng mười lặn, con ôi! Má xin con phải lánh xa cô ấy, đừng có tưởng tới cô nữa. Má nói con phải nghe lời.

Thanh Khải ngó ngay mẹ mà hỏi rằng:

– Tại sao con thương cô Cúc Hương, con cười cô mà lại có tội?

– Không nên, con ôi!

– Tại sao mà không nên? Xin má nói cho con biết.

– Má không thể nói được. Nếu con biết công ơn má mang nặng đẻ đau, con thương má chút đỉnh, thì xin con đừng có

hỏi nhiều lời dông dài. Con xa lánh cô, con đừng thương tưởng đến cô nữa, thì là đủ trả ơn sanh thành cho má rồi.

– Nếu má không chịu nói cho con biết tại làm sao con cưới cô Cúc Hương mà có tội, thì có thể nào con không thương tưởng cô nữa được.

– Nói ra không được, con ôi. Xin con thương má con đừng có hỏi việc ấy nữa. Nếu con muốn cưới vợ, lựa chỗ nào khác, dầu tốn hao mấy muôn má cũng ráng lo mà cưới cho con. Xin con chừa chỗ đó mà thôi.

Thanh Khải rưng rưng nước mắt mà nói rằng:

– Nếu con không kết tóc trăm năm với cô Cúc Hương được, thì con không thềm chỗ nào khác hết.

Thị Đẳng nghe con nói mấy lời, vùng quì trên ván day mặt lại phía bàn Phật, hai tay chấp trước ngực, cặp mắt nhắm lim dim, miệng niệm rằng: “Nam mô A Di Đà Phật! Nam mô Bản Sư Thích Ca Phật! Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát!”

Thanh Khải thấy mẹ niệm Phật thì lật đật đứng dậy, bước tránh vô buồng, mặt buồn hiu.

CHƯƠNG 7

Một bữa chúa nhật, lối 7 giờ sớm
mơi, cô Cúc Hương trang điểm
rất kỹ lưỡng, mặc y phục thiết kim thời, rồi
xin phép cha mà đi ra Sài Gòn mua sách.
Cô ra tới cửa ngõ, thì gặp một bà, tuổi
chừng lối 50 mặc y phục theo mấy bà vãi
ở chùa, song áo quần toàn bằng lụa cô đô
nhuộm dà, đầu choàng một cái khăn đen,
chơn mang một đôi dép da, ở ngoài lộ cũng
vừa bước vô cửa ngõ.

Hai người gặp nhau đều đứng lại ngó
nhau, rồi bà hỏi cô rằng:

– Nhà này phải là nhà ông Phán Nhãn hay không vậy cô?

– Thưa, phải. Bà ở đâu lạ, hỏi ba cháu vậy mà có chuyện chi hay không?

– Té ra cô đây là cô giáo dạy ngoài trường Dakao phải hôn?

– Thưa, phải. Sao bà biết cháu?

– Tôi nghe nói.

– Bà hỏi ba cháu có việc chi?

– Tôi muốn thăm ông Phán đang nói chuyện lập chùa, không biết có ông Phán ở nhà hay không vậy cô?

– Thưa, có. Ba cháu ở đằng sau.

Cô Cúc Hương thấy Hai Ngộ đương xách nước tưới bông trong sân, cô bèn kêu mà nói rằng:

– Anh Hai, anh vô thừa cho ông rõ, có khách đến thăm.

Cô lại day qua nói với bà vải rằng:

– Mời bà đi thẳng vô nhà ngồi chờ một chút rồi ba cháu ra. Cháu mắc đi Sài Gòn.

Bà gác đầu và đi vô. Cô cúi đầu từ bà rồi ra lộ mà lại ga.

Bà này là Lý Thị Đăng, cựu tình nơn của ông Phán Phan Thanh Nhãn.

Bà vô sân thì thấy một sân bông hoa đua nở, kiểng vật ê hể, rồi vô tới nhà thì thấy nhà tuy nhỏ mà trong ngoài sạch sẽ, bàn ghế sáng ngời, vách treo đủ thứ đèn, tủ đựng đầy sách vở, rõ ràng chỗ ở của một vị phong lưu tao nhã. Bà đứng xớ rớ ngoài hàng ba mà chờ chủ nhà, ngoài mặt nghiêm chỉnh, song trong lòng hồi hộp, lấy làm khó chịu lắm.

Cách một lát, ông Phán Nhãn, mình mặc một bộ áo mát bằng lụa trắng, chơn mang giày hàm ếch, miệng ngậm một điếu thuốc ở phía sau đi ra, chừng ra khỏi cửa buồng, ông thấy dạng bà đứng ngoài hàng ba, tuy không biết là ai, song tánh ông mau mắn, nên ông vùng nói lớn rằng:

– Mời bà vô ván ngồi chơi. Bầy trẻ bắt nơn quá! Khách tới mà nó không chịu mời vô nhà, nó để đứng ở ngoài chớ!

Thị Đằng day lại, bà lột cái khăn, lòi đầu trọc lóc, mà tóc lại bạc, rồi thùng thảng bước vô nhà.

Ông Phán Nhãn đứng nhìn bà trần trần, rồi biến sắc mặt, không chào hỏi được nữa.

Thị Đằng đi ngay lại bộ ván mà ngồi.

Ông Phán Nhãn ngồi cái ghế ngang đó.

Hai người cúi mặt xuống đất, không ngó nhau, mà cũng không nói tiếng chi hết.

Có lẽ ông Phán Nhân khó chịu nhiều hơn, nên cách một hồi lâu, ông mới khởi đầu nói nhỏ nhỏ rằng:

– Còn gặp mặt nhau nữa mà làm chi? Trước kia gặp nhau rồi phải mang một cái đọa lớn. Hai mươi lăm năm nay, cầu nguyện sám hối hết sức, mà cái tội ác vẫn còn khăng khăng trong trí hoài, có lẽ phải tu nhiều kiếp mới chuộc cái tội ấy được. Bây giờ còn gặp nhau nữa thì biết chừng nào mới dứt được dây oan!

Thị Đằng lay khăn lau nước mắt mà đáp rằng:

– Tôi đến đây nào có phải ý tôi muốn đâu. Ngày đôi ta từ biệt tại cửa Tòa Vĩnh Long tôi có hứa với ông rằng tôi nguyện kiếp này tôi sẽ trả nợ oan trái cho xong và

tôi tu niệm đặng kiếp sau đôi ta sum hiệp. Lời tôi nói ra thì tôi nhớ hoài. Trót 25 năm nay tôi ăn chay niệm Phật, ngày như đêm tôi hằng lo trả nợ oan gia, chẳng có giây phút nào tôi lo việc gì khác. Công tôi đã dày, tuổi tác đã lớn, có lẽ nào tôi lại còn sa đắm mùi trần như hồi thuở còn thơ. Tôi đến đây là vì có một cái họa lớn, cái họa ấy sẽ tới gấp, mà sức tôi là sức đàn bà, tôi không thể ngăn đỡ được. Tôi phải đến cầu ông đỡ giùm hoặc may có khỏi hay chăng?

Ông Phán Nhân chưng hửng. Ông ngược mặt ngó Thị Đằng mà hỏi rằng:

– Cái họa gì ở đâu?

– Ấy là cái “quả” của cái “nhơn” mình gieo ngày trước, chớ chẳng phải họa nào khác.

– Bà nói rõ cho tôi nghe thử coi.

– Có lẽ ông còn nhớ, trước ngày tôi bị

tội, tôi có nói với ông rằng tôi có thai được mấy tháng, mà cái thai tôi mang trong bụng đó là con của ông. Tôi hỏi ông phải tính làm sao, thì ông nói theo luật ông không được phép nhìn biết và ông phú thác cho tôi, ông khuyên tôi phải dạy dỗ đứa nhỏ sẽ sanh đó cho có đạo đức viên mãn, đừng nó khởi sa vào đường mê như đôi ta vậy. Ông nhớ lại coi có phải như vậy hay không?

– Phải. Tôi còn nhớ.

– Tôi bị án tù 2 năm ...

– Có thai đó rồi sanh con trai hay là con gái?

– Thủng thẳng rồi sẽ nói hết cho ông nghe... Tôi vào khám gần 4 tháng kể tới ngày sanh. Nhà Nước gởi tôi vô nằm nhà thương Chợ Quán. Tôi sanh được đứa con trai.

– Cha chả! Nuôi được hay không?

– Nuôi được. Mà khi tôi sanh đặng ít bữa thì Nhà Nước đem giao con tôi cho nhà nuôi con nít mồ côi ở Tân Định nuôi giùm, chớ không cho tôi nuôi, song có phát cho tôi một cái giấy, dặn chừng nào mãn tù sẽ cầm giấy ấy lên trình cho nhà nuôi mồ côi mà lãnh con lại.

– Nếu vậy thì năm nay nó được 25 tuổi. Có khai sanh nó rành rẽ không?

– Có chớ.

– Khai sanh theo họ của ai?

– Vì chồng tôi chết mới 5 tháng thì tôi đẻ, nên tự nhiên phải khai sanh con theo họ Bành, chớ khai họ khác sao được. Tuy vậy mà đứa con ấy là dấu tích của ông, nên tôi lót chữ theo ông. Bây giờ theo giấy tờ thì tên nó là Bành Thanh Khải.

– Bây giờ nó làm việc gì ở đâu? Có vợ con hay chưa?

– Ấy! Ông chậm chậm một chút rồi tôi sẽ nói tới. Khi tôi mãn tù rồi lên Tân Định trình giấy mà lãnh con. Tôi đem nó về Ngã Tư thì gia tài của cha nó theo khai sanh, Tòa đã cử người thủ hộ. Tôi làm đơn vô Tòa mà xin lãnh gia tài lại đặng nuôi con. Tòa bác đơn, song dạy người thủ hộ phải cấp dưỡng mẹ con tôi, mỗi tháng một số bạc 50 đồng.

– Bà đã quyết đứa con đó không phải là con của Bành Nghiệp, mà sao bà lại còn tính lãnh gia tài của Bành Nghiệp cho nó, làm như vậy thì trái đạo lý quá.

Thị Đằng ghen, nói không được nữa. Bà cúi mặt mà khóc rầm rức một hồi lâu rồi mới nói tiếp rằng:

– Nếu bỏ gia tài ấy cho chúng ăn cũng vậy. Mà vì tôi thương con quá, nên tôi phải đánh liều mà làm cái việc quấy đó nữa, chớ biết làm sao.

– Làm như vậy thì có ăn năn sám hối gì đâu!

– Lo cho con thì tôi lo, song tôi tu niệm lung lắm chớ.

– Tu niệm mà làm như vậy thì tu niệm không ích gì. Thôi, nói tiếp nghe coi Thanh Khải bây giờ ở đâu?

– Tôi nuôi nó từ nhỏ đến giờ, nó ở với tôi, chớ ở đâu. Ông nhớ ngày chồng tôi chết tôi mở tủ sắt lấy 13 ngàn đồng bạc đem gởi cho ông mà ông không chịu lãnh. Tôi sợ ở tù nên xuất 2 ngàn mướn hai ông Trạng sư bào chữa, còn lại 11 ngàn tôi kiếm chỗ kín tôi chôn. Chừng mãn tù tôi lấy số bạc đó rồi đem con lên Nam Vang mua nhà ở buôn bán khô tra, tiêu sọ, đậu khấu. Tôi nuôi Thanh Khải đến 18 tuổi, Tòa mới dạy thủ hộ giao ruộng đất phố xá của cha nó lại cho nó hưởng. Thủ hộ lại giao huê lợi mười mấy năm trâu góp đó lại cho nó nữa,

cộng gần 8 ngàn đồng. Tôi ở Nam vang trót 20 năm, nhờ buôn may bán đất nên tôi có huê lợi thêm cũng nhiều. Cách ba năm nay Thanh Khải học chữ Tây đã khá rồi, nên muốn học thêm chữ Ảng Lê ít năm đặng có đủ tư cách mà buôn bán. Còn tôi thì tôi nghĩ Nam Vang là xứ thổ phỉ, ở buôn bán làm ăn thì được chớ không nên lập nghiệp cho con ở đó. Tôi mới thôi buôn bán, tom góp sự sản mà trở về Sài Gòn. Tôi mua một miếng đất trong chợ Gò Vấp rồi cất nhà ở đó đã ba năm nay, trước là cho con đi học chữ Ảng-Lê cho tiện, sau nữa tôi được gần gũi mấy chùa lớn mà nghe kinh nghe kệ. Thiệt tôi không dè ông về ở miệt nầy, chớ phải mà tôi hay thì tôi tránh, tôi đi xứ khác. Không biết oan trái làm sao, mà Trời Phật lại khiến về ở gần nhau cho gây họa như vậy, thiệt khổ quá!

– Bà về Gò Vấp đã ba năm rồi, còn tôi mới về đây hơn một năm nay. Tôi về sau thì

lỗi tại tôi, chứ không phải tại bà. Mà sao bà biết tôi ở đây?

– Việc tình cờ mà rắc rối lắm ông ôi. Con gái ông đi dạy học ngoài Dakao, còn Thanh Khải nó đi học chữ Ăng-Lê ngoài Sài Gòn. Hai đứa đi xe điện, gặp nhau nói chuyện sao đó không biết, mà bây giờ Thanh Khải nó lại muốn con Cúc Hương, nó biểu tôi phải nói mà cưới cho nó. Tôi nghe nói thì tôi hết hồn, vì hai đứa có một cha mà cưới sao được. Tôi khuyên Thanh Khải hãy kiếm chỗ khác, chứ không nên cưới chỗ đó mà mang tội. Nó hỏi tôi tại sao. Tôi không dám nói thiệt công việc xưa cho nó biết, bởi vậy nó bất bình, không phục lời tôi can gián, nó nòng nòng quyết một phải cưới Cúc Hương cho nó mà thôi, nếu tôi không chịu thì nó chết chứ nó không thềm chỗ nào khác. Ông coi có khổ hay không hử? Làm sao bây giờ? Trót hơn 20 năm nay, tuy tôi buôn bán, song tôi cạo đầu ăn chay niệm

Phật, đặng giải những tội trước và cầu cho con khỏi quả báo về sau. Tôi tu niệm thiệt là thành tâm mà không biết tại sao Phật Trời không hỉ xả, lại kết dây oan làm rắc rối đến thế này. Cục chẳng đã tôi đến đây, là vì hồi chiều hôm qua tôi gặp một hộp á phiện trong túi Thanh Khải. Ông thấy hay chưa, tôi không chịu đi nói Cúc Hương cho nó, thì nó toan tự vận đờ. Tôi sợ quá nên phải đánh liều tới đây tỏ cho ông hay coi ông liệu lẽ nào.

Ông Phán Nhân day mặt ngó ra ngoài sân rồi nhăn mày mà suy nghĩ. Ông ngồi trơ trơ một hồi lâu lắm rồi ông nói rằng:

– Hai đứa nó kết duyên với nhau cũng được, không hại gì.

Thị Đằng vừa nghe nói như vậy thì bà chưng hửng nên liền hỏi rằng:

– Nói cái gì kỳ vậy? Anh em một cha mà kết duyên với nhau, thì còn gì là luân lý?

– Cúc Hương không phải là con ruột của tôi.

– Vậy chớ nó là con của ai?

– Nó là con mồ côi, tôi xin tôi nuôi từ hồi nó thôi bú cho tới bây giờ đó.

– Nam mô A Di Đà Phật! Vậy mà làm cho con tôi thiếu chút nữa nó tự vận nó chết còn gì!

– Ngày trước tôi phú thác cho bà, tôi có khuyên bà phải lo dạy dỗ nó cho có đạo đức viên mãn, khỏi sa vào đường mê muội. Sao bà không rèn tập dạy dỗ nó, để cho nó phải vướng cái dây ái tình vậy? Chắc là mắc lo ăn chay lạy Phật hoài, nên không có thì giờ dạy con chớ gì. Bà tưởng ăn chay lạy Phật rồi Phật xá tội cho bà được hay sao?

– Thì tôi gieo cái “nhơn ác” tôi phải ăn chay lạy Phật, tu niệm đêm ngày đặng cầu cho khỏi cái “quả ác” chớ sao?

– Bà hiểu lầm! Đã làm ác thì thủy chung gì cũng gặp ác không thể nào tránh khỏi được. Mình tu niệm là cốt tưởng cái lòng từ bi của Phật mà làm lành đừng có làm ác thêm nữa; chớ làm ác rồi lạy Phật mà được Phật xá tội, thì có sợ gì mà không làm ác. Phật không có hình, không có phép, không có quyền mà tác phước, mà xá tội cho ai được. Phật là mình mà mình cũng là Phật, khác nhau chỉ tại cái tâm mà thôi. Hễ mình có tâm “từ bi” như Phật thì mình là Phật. Còn mình có tâm mê muội, còn vương vấn “lục trần” thì mình không bao giờ làm Phật được.

– Sao hồi trước ông khuyên tôi phải tu niệm đặng kiếp sau hưởng phước sum vầy? Tôi nghe lời ông, tôi tu niệm, rồi bây giờ

ông lại chê tôi làm sai?

– Tôi khuyên bà tu niệm là khuyên phải tin tưởng Phật, bắt chước từ bi của Phật, đừng trừ “tam chương”, gỡ “lục trần” chớ tôi có khuyên bà ăn chay niệm Phật đừng cầu xá tội đâu. Tội đại ác của bà làm ngày xưa thủy chung gì rồi bà cũng phải trả. Phật làm sao mà gỡ tội ấy cho được mà phải lạy.

– Tôi làm tội thì tôi ở tù 2 năm đã đền tội rồi; tôi ăn chay niệm Phật đừng cầu cho kiếp sau đừng phước.

– Bà ở tù 2 năm đó là bà chịu cái “dương pháp” còn cái “âm pháp” bà chưa trả, thì một ngày kia bà phải trả rồi mới rảnh nợ được chớ.

– Nam mô A Di Đà Phật! Công tôi tu niệm hơn 20 năm nay mà cũng chưa trả nợ oan trái được, vậy thì biết chừng nào mới trả xong!

– Bà tu niệm mà không có lòng từ bi như Phật, tu niệm đặng cầu phước, tu niệm mà không lo thoát “tam chương” gỡ “lục trần” thì tu niệm không ích chi hết. Trong nhà không có ai, chỉ có một mình tôi với bà, vậy để tôi nói hết cho bà nghe. Ngày trước bà có chồng mà lại lấy trai. Bà đã phạm tội tà dâm mà bà còn dùng thuốc độc mà giết chồng. Cái tội ác ấy, không thể nào mà chuộc được. Tuy Tòa kêu án bà 2 năm tù, song cái khổ hình ấy chưa đủ mà đền tội. Mà dầu đền xong, thì bất quá là đền cái tội khuấy rối xã hội theo “dương pháp” mà thôi, đối với Phật Trời cái tà dâm và cái tội sát nhơn còn y nguyên, theo “âm pháp” bà chưa trả. Đã vậy mà mãn tù rồi bà về, bà còn đoạt sự nghiệp của người chồng mà bà đã giết đó, bà lại buôn bán cầu lợi nữa. Thế thì bà ăn chay lạy Phật là bà làm cầm chừng theo bề ngoài, chớ trong lòng bà không tin tưởng Phật, bà không tập theo tánh Phật

chút nào. Tu niệm như bà vậy có được đâu.

Thi Đăng nghe giải rõ ràng những tội của bà thì bà ngồi khóc ròng, không có lời chi mà cãi được.

Ông Phán Nhãn để cho bà khóc đã thềm rồi ông nói thêm rằng:

– Bà vô nhà tôi, bà thấy nhà không có bàn thờ Phật, bà thấy tôi không bận áo quạ nhuộm dả, chắc bà tưởng tôi không có lòng tu niệm. Tôi tu niệm nhiều lắm; song tu bề trong chứ không chịu bề ngoài như họ. Tôi tu thì tôi tin tưởng Phật, không giây phút nào quên, tập làm theo tánh Phật, quyết làm y theo kinh Phật, song chẳng bao giờ lạy Phật, mà chẳng hao giờ cầu Phật giúp việc chi hết. Tôi lo giữ tam qui ngũ giới, lo gỡ tam chương lục căn mà thôi. Vì ngày trước thiếu tu, nên tôi phạm tội tà dâm. Đã biết khi Tòa giam bà, bà vì thương tôi mà không kéo tôi chung chịu với bà. Nhưng mà

tôi ngĩ, hể làm nhơn ác, thì phải trả quả ác cho rồi, nên tôi xướng ra chịu tội. Tòa xét tôi không liên can trong tội sát nhơn, nên tha bổng tôi, song cái tội tà dâm của tôi thì tôi chưa đền được. Tôi phải phạt lấy tôi mà chuộc tội. Từ ấy đến nay tôi không gần đờn bà nữa. Mà tôi lại còn nghĩ tôi còn mang cái tội khác nữa, là cái tội không kiên nhẫn, không dè dặt, làm cho người đờn bà mê muội phải thất tiết với chồng rồi lại đến giết chồng. Tôi quyết chuộc cái tội đó nữa nên tôi kiếm một đứa con gái mồ côi tôi nuôi, rồi tôi rèn tập tánh tình, ung đức đức hạnh, làm cho nó trở nên một người đàn bà đúng đắn mà trả cho xã hội, dâng đền bồi cái người đàn bà trước kia tôi đã làm hư đó. Con Cúc Hương là đứa tôi nuôi, tôi dạy dỗ bồi thường cho bà đó. Phạt Trời chí minh, nên mới buộc dây oan lằng nhằng dâng cho tôi gả Cúc Hương vậy duyên với Bành Thanh Khải mà trả nợ tiền khiên. Vậy

bà về nói cho Thanh Khải hay rằng tôi chịu gả Cúc Hương cho nó đừng có buồn rầu nữa, chừng nào cưới cũng được. Tôi xin bà một điều là bà phải kín miệng, chằng nên nói những việc cũ của mình cho hai đứa nhỏ biết. Hễ tôi gả Cúc Hương rồi thì tôi sẽ đi xa mà ở, đừng an tâm tịnh trí mà lo lắng cho kiếp sau, chớ ở đây gần bà đã chằng may, mà thấy con lại càng thêm thẹn.

Thị Đằng thở ra mà than rằng:

– Tội của ông thì ông chuộc được hết. Còn tội của tôi vẫn còn y nguyên, khổ biết chừng nào!

– Phải ráng tu niệm. Mà tu niệm bề trong, chớ đừng có tu niệm bề ngoài như xưa nay vậy nữa.

– Tôi là đờn bà, hễ tu niệm thì cứ ăn chay lạy Phật vậy thôi, chớ có trí hóa gì mà biết tìm đường giải thoát, ông biết phương

nào cho tôi chuộc tôi được xin ông chỉ giùm làm phước.

– Chẳng cần tu bề ngoài, phải lo tu bề trong, là tu cái tâm, thì hoặc may mới mong thành chánh giác mà giải thoát được. Đêm ngày bà phải nhớ luôn luôn rằng bà phạm ba cái tội ác: Một là tội có chồng mà còn lấy trai; hai là tội giết chồng; ba là tội đoạt gia tài sự nghiệp của người.

– Mô Phật!

– Bà muốn làm theo ha tăng, nghĩa là ăn chay lạy Phật thì tự ý, song ăn chay lạy Phật thì phải ăn năn sám hối, phải nguyện không tái phạm những tội nào khác. Mà điều cần nhứt là bà phải rèn lòng từ bi như Phật, tập tánh bác ái như Phật, phải nhớ kiếp trần là kiếp khổ, lo tuyệt tam chương gỡ lục trần.

– Tam chương là cái gì?

– Tam chương là ba tánh: tham, sân và si.

– Còn lục trần?

– Lục trần là sáu tánh mê: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bà làm y như lời tôi dặn đây thì sự tu của bà mới công hiệu và bà mới mong chuộc tội chút đỉnh được.

Thị Đằng chặt lưỡi lắc đầu mà than rằng:

– Tội lớn quá, tu biết chừng nào mới tiêu!

Ông Phán Nhân ngó bà mà đáp rằng:

– Nếu trọn kiếp này mình tu mà chuộc tội cũng chưa hết, thì kiếp sau phải tiếp mà tu nữa, tu hoài cho thành chánh giác mới yên.

Thị Đằng ứa nước mắt mà than rằng:

– Khổ quá! Phải chết mới yên!

Ông Phán nghe nói mấy lời ấy, thì ông đứng dậy ngay bà mà nói rằng:

– Không. Chết có yên được đâu. Phải chết mà chuộc tội ấy là mình mắc nợ. Nếu mình chết thì té ra mình trốn nợ. Kiếp này mình trốn lánh không chịu trả nợ, thì kiếp sau mình cũng phải trả, chớ chạy đâu cho khỏi được.

– Chớ sống mà khổ quá thì chịu sao nổi!

– Phải ráng mà chịu. Có chịu khổ hạnh thì mới mong giải thoát.

Thị Đằng từ ông Phán Nhãn mà về đăng báo tin hôn nhơn cho Thanh Khải hết buồn. Khi bà bước ra cửa thì bà lẩm bầm nói rằng: “Để con tôi thành gia thất rồi, thì tôi sẽ tìm phương mà giải thoát”.

Cô Cúc Hương đi Sài Gòn về.

Ông Phán hỏi cô rằng:

– Con biết bà vải đến thăm ba hồi sớm
mơi đó là ai hay không?

– Thưa, không.

– Bà đó là mẹ của thầy Bành Thanh
Khải, là thầy con hay gặp trên xe điện đó.

– Bà tới nhà mình có chuyện chi? Con
chắc bà đến nói chuyện làm sui.

– Con liệu trúng lắm. Như ba gả con
cho thầy Thanh Khải con ưng hay không?

Cúc Hương cười.

Ông Phán nghiêm sắc mặt mà nói tiếp
rằng:

– Con phải ưng chỗ đó.

– Hôm trước thầy ấy gặp con trên xe,

thầy hỏi dò ý con, con cười mà nói rằng muốn kết tóc trăm năm thì trước phải biết tánh nết nhau mới được. Thầy chưa biết tánh con, con chưa hiểu tánh thầy mà sao ba lại biểu con ứng?

– Đó là nhơn duyên của con.

– Sao ba biết. Nếu ba gả rui không phải nhơn duyên, rồi vợ chồng rời rã, thì khổ cho cái đời của con lắm!

– Dầu vợ chồng rời rã, thì cũng tại cái duyên phận của con như vậy. Con phải nghe lời ba.

Cúc Hương không dám cãi nữa.

Còn Bành Thanh Khải nghe tin ông Phán chịu gả Cúc Hương cho thầy thì thầy mừng rỡ hết sức. Bữa sau thầy đến ra mắt ông Phán. Giáp mặt, ông Phán hứa chịu gả Cúc Hương và cho Thanh Khải thông thả mà định ngày làm lễ cưới.

Thanh Khải xin ông Phán dạy Cúc Hương từ chức giáo sư. Về nhà thấy lo sửa soạn nhà cửa và xin với mẹ mua một cái xe hơi mới đăng cưới rồi vợ chồng đi chơi.

Thị Đằng thấy con đắc ý thì bà mừng, bà sốt sắng lo đám cưới và con muốn thế nào bà cũng làm cho vừa lòng hết.

Lễ cưới xong rồi, tối lại Thi Đằng làm một cái lễ cúng Phật, đèn nhang huy hoàng, hoa quả tinh khiết. Bà biểu vợ chồng Thanh Khải đi nghỉ sớm, còn bà thức mà tụng kinh lạy Phật đến khuya, rồi bà mới vô phòng.

Sang bữa sau, vợ chồng Thanh Khải thức dậy, mà chưa thấy mẹ ra, tưởng mẹ lo đám cưới mệt mỏi, lại thức khuya cúng Phật nên ngủ trễ. Chờ đến 9 giờ, cũng chưa thấy mẹ dậy, Thanh Khải xô nhẹ cửa phòng bước vô, thấy đèn còn đốt để trên bàn, cửa mùng không khép lại, còn mẹ thì nằm

chính giữa giường, hai tay chấp trên ngực, cặp mắt hí hí.

Thầy lấy làm lạ, thò tay sờ hai chun mẹ thì chun lạnh ngắt như đồng. Thầy lúc lắc mà kêu, thì mẹ nằm cứng đờ, không ừ hử, chẳng cục cựa. Thầy kinh tâm la lớn, cả nhà đều chạy vô phòng, coi kỹ lại thì Thị Đằng đã chết.

Thanh Khải bỗng khóc một hồi rồi coi lại dưới gối của mẹ nằm thì thấy có một cái thơ gói cho thầy với một miếng pháo chà.

Thầy mở thơ ra coi thì thơ viết như vậy:

Con ơi! Bình sanh má có phạm ba tội đại ác, hai cái vì nặng tình, một cái vì thương con. Trót 25 năm nay, má tu niệm hết sức, nhưng mà thế coi cũng khó chuộc những tội ấy được.

Cái kiếp của má là cái kiếp khổ. Má gượng gạo sống cho đến ngày nay là vì má

quá thương con, nên phải sống mà cầu nguyện Phật Trời cho mấy tội ác của má tiêu tuyệt đặng cho con khỏi mang quả báo. Hôm nay con đã thành gia thất, mà lại được kết bạn trăm năm với người con mến yêu, thế thì quả báo con đã khỏi rồi, má lấy làm vui lòng mà nhắm mắt.

Má chết đây là má trả nợ trái oan. Vậy con không nên buồn rầu thương tiếc. Khi má uống pháo chà vô khỏi miệng rồi thì má định trí mà cầu nguyện Phật Bà phò hộ cho nhưn duyên của vợ chồng con bền chặt trăm năm.

Má xin hai con ở đời phải nhớ câu “Sắc tức thị không, không tức thị sắc” gặp phước chẳng nên quá mừng, gặp khổ chẳng nên quá buồn, nhứt là phải niệm chữ từ bi đặng thoát qua khổ hải.

Lý Thị Đăng

Ký thơ

Thanh Khải nhứt diện sai người đi báo tin cho làng hay, nhứt diện lo sắp đặt tổng táng mẹ.

Ông Phán Nhãn hay tin ông lật đặt vô thăm. Thanh Khải đưa bức thơ của mẹ để lại cho cha vợ coi và nói rằng:

– Từ tôi mới biết đi biết nói thì tôi vẫn thấy má tôi tụng kinh niệm Phật luôn luôn, có làm tội ác chi đâu nên ăn năn đến nỗi tự tử!

Ông Phán coi thơ rồi ông lắc đầu nói rằng:

– Tu tuy thành tâm, song chưa thấu đáo đạo lý, nên mới như vậy đó. Nếu phạm tội mà tự vận, rồi chuộc được hay sao!

Tổng táng bà Lý thị Đăng xong rồi, ông Phán giao nhà cho đứa ở là Hai Ngộ coi, rồi ông xách một hoa ly (va-li) hành lý mà đi,

không từ già con rể mà cũng không nói cho ai biết ông đi đâu.

Từ đó đến nay ông biệt tích!

Saigon, Novembre 1935

Hết

